

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN

**CỦA TƯ TƯỞNG,
ĐẠO ĐỨC,
PHONG CÁCH
HỒ CHÍ MINH**

**(TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU PHỤC VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CHỈ THỊ SỐ 05-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ
"ĐẨY MẠNH HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG,
ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH")**



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Những nội dung cơ bản của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh : Tài liệu nghiên cứu phục vụ triển khai thực hiện Chỉ thị số 05 - CT/TW của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". - H. : Chính trị Quốc gia, 2016. - 120tr. ; 19cm

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Tài liệu nghiên cứu
335.4346 - dc23

CTF0242p-CIP

3KV4

Mã số: _____

CTQG-2016

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN

**CỦA TƯ TƯỞNG,
ĐẠO ĐỨC,
PHONG CÁCH
HỒ CHÍ MINH**

(TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU PHỤC VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CHỈ THỊ SỐ 05-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ
"ĐẨY MẠNH HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG,
ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH")

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong những năm qua, thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 7-11-2006, Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14-5-2011 của Bộ Chính trị, việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã được triển khai sâu rộng trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đi sâu vào cuộc sống, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức, ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế trong việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14-5-2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, ngày 15-5-2016, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Chỉ thị khẳng định: “Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ

cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu”.

Nhằm cung cấp tài liệu nghiên cứu và học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật biên tập và xuất bản tài liệu: ***Những nội dung cơ bản của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (Tài liệu nghiên cứu phục vụ triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”***).

Đây là tài liệu cần thiết và bổ ích, góp phần tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức ngày càng sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Xin trân trọng giới thiệu tài liệu với bạn đọc.

Tháng 11 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và nhân dân ta. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một chủ trương lớn, liên tục, lâu dài của Đảng ta. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khẳng định: “... tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.202.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, ngày 15-5-2016, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Chỉ thị nêu rõ: Việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là “một nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu”.

Nội dung tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh rất phong phú, thể hiện trong toàn bộ di sản và cuộc đời hoạt động của Người, có mối quan hệ thống nhất, biện chứng tạo nên nhân cách vĩ đại Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh

hoa văn hóa nhân loại. Đạo đức Hồ Chí Minh là một bộ phận của tư tưởng Hồ Chí Minh; là một hệ thống các quan điểm cơ bản và toàn diện của Người về đạo đức, vị trí, vai trò của đạo đức, những chuẩn mực giá trị của đạo đức cách mạng và những nguyên tắc xây dựng đạo đức. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh được thể hiện sinh động qua chính tấm gương đạo đức của Người, trong mỗi hành động, lời nói, cử chỉ, việc làm và sinh hoạt hằng ngày. Phong cách Hồ Chí Minh phản ánh những giá trị cốt lõi trong tư tưởng, đạo đức của Người, được thể hiện trong công việc, ứng xử, gần gũi và tự nhiên, có sức thu hút, cảm hoá kỳ diệu.

Xuất phát từ yêu cầu xây dựng, chỉnh đốn Đảng và nhiệm vụ đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII, cần tập trung quán triệt và thực hiện những nội dung cơ bản của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

I TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Đại hội VII của Đảng (tháng 6-1991) khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, đồng thời nêu rõ: “Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta”¹.

Dựa trên những kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, Đại hội IX của Đảng (tháng 4-2001) xác định tư tưởng Hồ Chí Minh gồm: Tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.29-30.

dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...¹.

Trong giai đoạn hiện nay, để “tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức ngày càng sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”², cần tập trung nghiên cứu, quán triệt nội dung cơ bản của tư tưởng

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.20-21.

2. Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”.

Hồ Chí Minh trong sáu nhóm vấn đề: về con đường của cách mạng Việt Nam; về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về nhân dân, đại đoàn kết toàn dân tộc; về xây dựng văn hóa và con người; về phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân; về xây dựng Đảng.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường của cách mạng Việt Nam

1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người

Bằng hoạt động thực tiễn và tư duy lý luận, Hồ Chí Minh đã giải quyết một cách cơ bản vấn đề dân tộc, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người trong thời đại đế quốc chủ nghĩa.

1.1.1. Về vấn đề dân tộc thuộc địa

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa đầu thế kỷ XX là xác định đúng con đường phát triển của dân tộc. Độc lập dân tộc là nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa. Quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Với tinh thần đó, Người khẳng định quyết tâm: “Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được

độc lập”¹ và “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”², “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”³.

1.1.2. Về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong phong trào giải phóng dân tộc

Người khẳng định: vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau. Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết. Độc lập dân tộc mà chưa giành được thì vấn đề giai cấp cũng không giải quyết được. Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp.

1.1.3. Về cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng con người

Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc trước hết là phải giành lại nền độc lập cho Tổ quốc. Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Cách mạng giải phóng

1. Dẫn theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.196.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.534.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.131.

dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc phải được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc là sức mạnh của toàn dân tộc. Cách mạng là sự nghiệp của dân chúng bị áp bức, bao gồm lực lượng của cả dân tộc. Trong lực lượng toàn dân tộc, Hồ Chí Minh hết sức nhấn mạnh vai trò động lực cách mạng của công nhân và nông dân, lực lượng nòng cốt trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc và con người được khẳng định trước toàn thế giới qua *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Người khởi thảo. Thừa nhận những “lời bất hủ” trong *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ (1776) và “những lẽ phải không thể chối cãi được” của *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Pháp (1789), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”¹. Nâng quyền tự nhiên của con người lên thành quyền dân tộc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.1.

và gắn chặt quyền con người với quyền dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt nền tảng cho một trật tự và pháp lý quốc tế mới về quyền con người, quyền dân tộc và sự bình đẳng giữa các quốc gia - dân tộc.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội thể hiện sự nhất quán trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh, thể hiện một cách tập trung những luận điểm sáng tạo lớn về lý luận của Hồ Chí Minh, là sự phản ánh mục đích, lý tưởng, khát vọng và ham muốn tột bậc của danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh: nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội phản ánh tính triệt để cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó đặt vấn đề giải phóng con người, hạnh phúc của con người ở mục tiêu cao nhất của sự nghiệp cách mạng.

Độc lập dân tộc là mục tiêu trực tiếp, trước hết, là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Theo Hồ Chí Minh, con đường cách mạng Việt Nam có

hai giai đoạn: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ở giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ thì độc lập dân tộc là mục tiêu trực tiếp, trước mắt, cấp bách, nhưng không phải là mục tiêu cuối cùng của cách mạng Việt Nam. Tính chất tạo tiền đề của cách mạng dân tộc dân chủ được thể hiện:

- Về chính trị: xác định và xây dựng các yếu tố của hệ thống chính trị do giai cấp công nhân lãnh đạo.

- Về kinh tế: bước đầu xây dựng được các cơ sở kinh tế mang tính chất xã hội chủ nghĩa, từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

- Về văn hóa, xã hội, đời sống tinh thần: trong cách mạng dân tộc dân chủ, khối quần chúng công - nông - trí thức và các giai tầng xã hội khác đã có ý thức giác ngộ, đoàn kết trong một mặt trận dân tộc thống nhất; những nhân tố mới của văn hóa, giáo dục đã được hình thành dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Độc lập dân tộc tạo tiền đề, điều kiện để nhân dân lao động tự quyết định con đường đi tới chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong thời đại mới, chủ nghĩa xã hội là xu hướng phát triển tất yếu

của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Điều này làm cho con đường cứu nước giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh khác biệt về chất so với con đường cứu nước những năm đầu thế kỷ XX ở nước ta và của nhiều nhân vật nổi tiếng trên thế giới.

Cách mạng Việt Nam thuộc phạm trù cách mạng vô sản. Điều đó quyết định vai trò lãnh đạo cách mạng tất yếu thuộc về giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam. Lực lượng tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc là toàn dân Việt Nam yêu nước mà nòng cốt là khối liên minh công - nông - trí thức. Những nhân tố này lại quy định tính tất yếu dẫn đến phương hướng phát triển lên chủ nghĩa xã hội của cách mạng giải phóng dân tộc. Rõ ràng định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam được chi phối và chế định bởi các nhân tố bên trong của cuộc cách mạng đó.

Chủ nghĩa xã hội là con đường củng cố vững chắc độc lập dân tộc, giải phóng dân tộc một cách hoàn toàn triệt để. Về lý luận, độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội thể hiện mối quan hệ giữa mục tiêu trước mắt và mục tiêu cuối cùng; mối quan hệ giữa hai giai đoạn của một quá trình cách mạng. Cách mạng dân tộc dân chủ xác lập cơ sở,

tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, cách mạng xã hội chủ nghĩa khẳng định và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc bao giờ cũng gắn liền với đời sống ấm no, hạnh phúc của quần chúng nhân dân, những người đã trực tiếp làm nên thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ. Để bảo đảm vững chắc độc lập dân tộc, để không rơi vào lệ thuộc, đói nghèo, lạc hậu, chặng đường tiếp theo chỉ có thể là đi lên chủ nghĩa xã hội. Do những đặc trưng nội tại của mình, chủ nghĩa xã hội sẽ củng cố những thành quả đã giành được trong cách mạng dân tộc dân chủ, tạo điều kiện để bảo đảm cho độc lập và phát triển dân tộc. Hồ Chí Minh khẳng định: chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng triệt để các dân tộc bị áp bức khỏi ách nô lệ; chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa mới bảo đảm cho một nền độc lập thật sự, chân chính.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội bao gồm:

- Chủ nghĩa xã hội là một chế độ do nhân dân làm chủ. Nhà nước phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân để huy động được tính tích cực và sáng tạo của nhân dân vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

- Chủ nghĩa xã hội là một xã hội phát triển cao về văn hoá, đạo đức, trong đó người với người là bạn bè, là đồng chí, là anh em; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, có cuộc sống vật chất và tinh thần phong phú, được tạo điều kiện để phát triển hết mọi khả năng sẵn có của mình.

- Chủ nghĩa xã hội là một xã hội công bằng và hợp lý: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng; các dân tộc đều bình đẳng, miền núi được giúp đỡ để tiến kịp miền xuôi.

- Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân, do nhân dân xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Về mục tiêu: Hồ Chí Minh khẳng định, xây dựng chủ nghĩa xã hội bao gồm cả chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và xây dựng con người.

Về động lực: Người chỉ rõ, quyết định nhất là con người, là nhân dân lao động, nòng cốt là công - nông - trí thức. Trong thực hiện, phải kết hợp giữa cá nhân (sức mạnh cá thể) với xã hội (sức mạnh cộng đồng); coi trọng động lực kinh tế, phát triển kinh tế, sản xuất, kinh doanh, giải phóng mọi năng lực sản xuất. Phải quan tâm tới văn hóa, khoa học, giáo dục, coi đó là động lực tinh thần không thể thiếu của chủ nghĩa xã hội. Cần kết hợp nguồn lực bên trong với nguồn lực bên ngoài, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nội lực là quyết định nhất, ngoại lực là rất quan trọng.

2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trước hết, Hồ Chí Minh khẳng định: cần căn cứ vào đặc điểm lịch sử cụ thể của mỗi nước để xác định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Người viết: “tùy hoàn cảnh, mà các dân tộc phát triển theo con đường khác nhau. Có nước thì đi thẳng đến chủ

ngã xã hội (cộng sản),... Có nước thì phải kinh qua chế độ dân chủ mới, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội (cộng sản)...”¹.

Hồ Chí Minh đã chỉ ra những đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trong đó bao trùm lớn nhất là đặc điểm từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, khi nói về độ dài của thời kỳ quá độ, Người chỉ rõ: “Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh cách mạng phức tạp, gian khổ và lâu dài”².

Về những nhân tố bảo đảm thực hiện thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ rõ: phải giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước; phát huy tính tích cực, chủ động của các tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức và tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Về phương châm xây dựng chủ nghĩa xã hội: Hồ Chí Minh cho rằng, xây dựng chủ nghĩa xã hội

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.293.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.216.

là một quá trình phổ biến, có tính quy luật trên thế giới. Nhưng việc xác định bước đi và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội phải xuất phát từ điều kiện cụ thể, đặc điểm dân tộc, nhu cầu và khả năng thực tế của nhân dân. Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải thận trọng từng bước một, từ thấp đến cao, không chủ quan, nôn nóng. Người chỉ rõ: “Ta xây dựng chủ nghĩa xã hội từ hai bàn tay trắng đi lên thì khó khăn còn nhiều và lâu dài”¹, “phải làm dần dần”, “không thể một sớm, một chiều”, “ai nói dễ là chủ quan và sẽ thất bại”. Tư tưởng chủ đạo của Hồ Chí Minh về bước đi của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là phải qua nhiều bước, “bước ngắn, bước dài, tùy theo hoàn cảnh”, nhưng “chớ ham làm mau, ham rầm rộ... Đi bước nào vững vàng, chắc chắn bước ấy, cứ tiến tới dần dần”².

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là thực hiện cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo với xây dựng, trong đó lấy xây dựng làm chính. Kết hợp xây dựng và bảo vệ trong phạm vi một quốc gia (tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau ở hai miền Nam - Bắc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước). Xây dựng chủ nghĩa xã hội

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.681.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.466.

phải có kế hoạch, biện pháp, đặc biệt là quyết tâm (chỉ tiêu 1, biện pháp 10, quyết tâm 20) để thực hiện thắng lợi kế hoạch đã đề ra.

Theo Hồ Chí Minh, biện pháp cơ bản, quyết định, lâu dài trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là đem của dân, tài dân, sức dân làm lợi cho dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vai trò lãnh đạo của Đảng cầm quyền là tập hợp lực lượng, đề ra đường lối, chính sách nhằm huy động và khai thác các nguồn lực trong dân để phát triển đất nước vì lợi ích của nhân dân. Người luôn luôn nhắc nhở phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, chống giáo điều, rập khuôn kinh nghiệm nước ngoài, phải suy nghĩ tìm tòi, sáng tạo ra cách làm phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, Hồ Chí Minh đã đề ra nhiều luận điểm, tư tưởng chỉ đạo sáng suốt, có tính nguyên tắc về phát triển kinh tế ở Việt Nam.

2.4.1. Phát triển kinh tế là nhiệm vụ quan trọng nhất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Xuất phát từ đặc điểm nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, sức sản xuất chưa phát triển, đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân thấp kém, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "... nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội,... có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hoá và khoa học tiên tiến. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài"¹.

2.4.2. Phải xây dựng cơ cấu kinh tế công nghiệp và nông nghiệp hợp lý

Người khẳng định: "Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa có hai chân là công nghiệp và nông nghiệp... hai chân không đều nhau, không thể bước mạnh được"². Nông nghiệp phải phát triển mạnh để cung cấp đủ lương thực cho nhân dân; cung cấp đủ nguyên liệu... Công nghiệp phải phát triển mạnh

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.412, 162.

để cung cấp đủ hàng tiêu dùng cần thiết cho nhân dân, trước hết là cho nông dân; cung cấp máy bơm nước, phân hoá học, thuốc trừ sâu... để đẩy mạnh nông nghiệp và cung cấp dần máy cày, máy bừa cho các hợp tác xã nông nghiệp. Cho nên công nghiệp và nông nghiệp phải giúp đỡ lẫn nhau và cùng nhau phát triển, như hai chân đi khỏe và đi đều thì tiến bước sẽ nhanh và nhanh chóng đi đến mục đích. Thế là thực hiện liên minh công nông để xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, sung sướng cho nhân dân.

2.4.3. Tất yếu khách quan phải tiến hành công nghiệp hóa

Công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là mục tiêu phấn đấu chung, là con đường no ấm thực sự của nhân dân ta. Trong bài *Con đường phía trước* (ngày 20-1-1960), Người viết: “Đời sống nhân dân chỉ có thể thật dồi dào, khi chúng ta dùng máy móc để sản xuất một cách thật rộng rãi: dùng máy móc cả trong công nghiệp và trong nông nghiệp. Máy sẽ chấp thêm tay cho người, làm cho sức người tăng lên gấp trăm, nghìn lần và giúp người làm những việc phi thường. Muốn có nhiều máy, thì phải mở mang các ngành công nghiệp làm ra máy, ra gang, thép, than, dầu... Đó là con

đường phải đi của chúng ta: *Con đường công nghiệp hoá nước nhà*¹.

2.4.4. Các hình thức sở hữu, thành phần kinh tế và định hướng lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam còn nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế.

Người chỉ ra rằng, ở thời kỳ quá độ, nền kinh tế đó còn các hình thức sở hữu chính: “Sở hữu của nhà nước tức là của toàn dân. Sở hữu của hợp tác xã tức là sở hữu tập thể của nhân dân lao động. Sở hữu của người lao động riêng lẻ. Tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của nhà tư bản”². Tương ứng với chế độ sở hữu là các thành phần kinh tế. Hồ Chí Minh xác định: “Trong chế độ dân chủ mới, có năm loại kinh tế khác nhau... Trong năm loại ấy, loại A [kinh tế quốc doanh] là kinh tế lãnh đạo và phát triển mau hơn cả. Cho nên kinh tế ta sẽ phát triển theo hướng chủ nghĩa xã hội chứ không theo hướng chủ nghĩa tư bản”³.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.445, 372.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.293-294.

Để xây dựng và phát triển nền kinh tế có nhiều thành phần như trên, Hồ Chí Minh đưa ra chính sách kinh tế của Đảng và Chính phủ gồm bốn điểm mấu chốt:

Một là, công tư đều lợi. Kinh tế quốc doanh là công. Nó là nền tảng và sức lãnh đạo của kinh tế dân chủ mới. Cho nên chúng ta phải ra sức phát triển nó và nhân dân ta phải ủng hộ nó. Đối với những người phá hoại nó, trộm cắp của công, khai gian lậu thuế thì phải trừng trị. Tư là những nhà tư bản dân tộc và kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghệ. Đó cũng là lực lượng cần thiết cho cuộc xây dựng kinh tế nước nhà. Cho nên Chính phủ cần giúp họ phát triển. Nhưng họ phải phục tùng sự lãnh đạo của kinh tế quốc gia, phải hợp với lợi ích của đại đa số nhân dân.

Hai là, chủ thợ đều lợi. Nhà tư bản thì không khỏi bóc lột. Nhưng Chính phủ ngăn cấm họ bóc lột nhân dân quá tay. Chính phủ phải bảo vệ quyền lợi của công nhân. Đồng thời, vì lợi ích lâu dài, anh chị em thợ cũng để cho chủ được số lợi hợp lý, không yêu cầu quá mức. Chủ và thợ đều tự giác tự động, tăng gia sản xuất lợi cả đôi bên.

Ba là, công nông giúp nhau. Công nhân ra sức sản xuất nông cụ và các thứ cần dùng khác, để

cung cấp cho nông dân. Nông dân thì ra sức tăng gia sản xuất, để cung cấp lương thực và các thứ nguyên liệu cho công nhân. Do đó mà càng thắt chặt liên minh giữa công nông.

Bốn là, lưu thông trong ngoài. Ta ra sức khai thác lâm thổ sản để bán cho các nước bạn và để mua những thứ ta cần dùng. Các nước bạn mua những thứ ta đưa ra và bán cho ta những hàng hóa ta chưa chế tạo được. Đó là chính sách mậu dịch, giúp đỡ lẫn nhau rất có lợi cho kinh tế ta.

2.4.5. Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu

Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm là con đường đi đến xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, xây dựng hạnh phúc cho nhân dân. Tăng gia là tay phải của hạnh phúc, tiết kiệm là tay trái của hạnh phúc”¹, “Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống”². Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sản xuất và tiết kiệm gắn với nhau như một phương châm. Phải luôn thực hành trong một nền kinh tế nghèo nàn lạc hậu lại phải chịu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.311.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.70.

nhiều bom đạn chiến tranh, chịu nhiều thiên tai bất thường. Phát triển sản xuất để tăng sản phẩm xã hội và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là hai mặt biện chứng trong các chặng đường phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân.

Đồng thời, Người căn dặn trong phát triển kinh tế phải chống tham ô, lãng phí, quan liêu là những “giặc nội xâm”, đồng minh với giặc ngoại xâm. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, ba căn bệnh tham ô, lãng phí, quan liêu “là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ”¹. Loại kẻ thù này “khá nguy hiểm, vì nó không mang gươm mang súng, mà nó nằm trong các tổ chức của ta, để làm hỏng công việc của ta”². Dù có cố ý hay không, tham ô, lãng phí, quan liêu “cũng là *bạn đồng minh* của thực dân và phong kiến”³. “Nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí khắc khổ của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính”⁴. Nó “phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và của nhân dân. Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”⁵.

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.357.

4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.358.

2.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc

2.5.1. Về xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang nhân dân

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân là hai lực lượng chủ yếu tiến hành khởi nghĩa và đấu tranh cách mạng, phối hợp chặt chẽ và bổ sung cho nhau tạo nên sức mạnh tổng hợp của cuộc kháng chiến.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến xây dựng lực lượng chính trị quần chúng. “Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng xung quanh Tổ quốc”¹. Lực lượng chính trị quần chúng là cơ sở cho đấu tranh quân sự, đồng thời còn là lực lượng tiến công trực tiếp đánh địch theo các phương thức và nội dung rất phong phú, linh hoạt. Về lực lượng vũ trang, Người chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân gồm ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, du kích.

Đây cũng là một nội dung lớn và sáng tạo trong tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.179.

2.5.2. Về xây dựng bản chất cách mạng và ý thức chính trị cho quân đội

Theo Hồ Chí Minh, việc xây dựng bản chất cách mạng, ý thức và trình độ chính trị cho lực lượng vũ trang được đặc biệt quan tâm và tổ chức thực hiện một cách chặt chẽ, có hệ thống. “Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại”¹. Người xác định quân đội ta có ba nhiệm vụ: đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân sản xuất. Quân đội và lực lượng công an nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng.

Về sức mạnh của lực lượng vũ trang, Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò của yếu tố con người khi nêu luận điểm “người trước, súng sau”. Đó là sự thống nhất giữa người cầm vũ khí với vũ khí, trong đó người cầm vũ khí đóng vai trò quyết định. Trong quân đội, Người chủ trương xây dựng đội ngũ cán bộ quân sự, cả chính trị, quân sự, khoa học - kỹ thuật và hậu cần. Người nêu sáu yêu cầu cơ bản đối với người chỉ huy quân sự: “Trí - Dũng - Nhân - Tín - Liêm - Trung”.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.217.

2.5.3. Về xây dựng thế trận lòng dân, nền quốc phòng toàn dân

Để kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, Hồ Chí Minh luôn chăm lo xây dựng thế trận lòng dân. Đối với Hồ Chí Minh, đó là sức mạnh vật chất, nguồn nhân lực và sức mạnh tinh thần, mà lòng dân là sức mạnh đặc biệt to lớn.

Về quốc phòng, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng một nền quốc phòng toàn dân hùng mạnh.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân và đại đoàn kết toàn dân tộc

3.1. Về phạm trù nhân dân

Đối với Hồ Chí Minh, nhân dân là phạm trù cao quý nhất, một phạm trù chính trị chủ đạo trong học thuyết cách mạng của Người. “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”¹. Đó là một minh chứng điển hình về niềm tin vào sức mạnh của nhân dân. Người khẳng định, dân khí mạnh thì binh lính nào, súng ống nào cũng không địch nổi.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.453.

Người từng nói với cán bộ: “Nếu lãnh đạo khéo thì việc gì khó khăn mấy và to lớn mấy, nhân dân cũng làm được”¹. Đó là sự tổng kết thực tiễn cách mạng rất sâu sắc: phải không ngừng học dân. “Nhân dân ta rất cần cù, thông minh và khéo léo. Trong sản xuất và sinh hoạt, họ có rất nhiều kinh nghiệm quý báu”², do vậy cán bộ ta “cần tham gia tổng kết những kinh nghiệm quý báu ấy”³.

3.2. Về không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân

Ngày 10-1-1946, tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc, Hồ Chí Minh đã nói: “Chúng ta đã hy sinh phần đấu để giành độc lập. Chúng ta đã tranh được rồi... Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”⁴.

Là công bộc, là đày tớ của dân, thì Đảng, Chính phủ và mỗi cán bộ phải chăm lo cho đời sống của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.492.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.98.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.175.

nhân dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Người nêu rõ mục tiêu của Nhà nước là:

1. Làm cho dân có ăn.
2. Làm cho dân có mặc.
3. Làm cho dân có chỗ ở.
4. Làm cho dân có học hành”¹.

3.3. Về đại đoàn kết toàn dân tộc

Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khái quát luận điểm có tính chân lý về vai trò của khối đại đoàn kết, đó là: Đoàn kết làm ra sức mạnh; “Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”²; “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”³...

Hồ Chí Minh đã nhiều lần nói: “Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn đoàn kết lâu dài... Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”⁴.

Trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.175.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.27, 186.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.244.

toàn dân tộc phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân để giải quyết hài hòa mối quan hệ giai cấp - dân tộc. Để tập hợp lực lượng, không được phép bỏ sót một lực lượng nào, miễn là lực lượng đó có lòng trung thành và sẵn sàng phục vụ Tổ quốc, không là Việt gian, không phản bội lại quyền lợi của dân chúng là được.

Để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải *kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc*.

Để thực hành đoàn kết rộng rãi, cần có *niềm tin vào nhân dân*, với đại đa số là công nhân, nông dân. Trong bài *Nói chuyện tại Hội nghị đại biểu Mặt trận Liên - Việt toàn quốc*, tháng 1-1955, Người chỉ rõ: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là *nền gốc* của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.244.

Phải có lòng *khoan dung, độ lượng với con người*, trân trọng “phần thiện”, dù nhỏ nhất ở mỗi con người để lôi kéo, tập hợp, quy tụ rộng rãi mọi lực lượng. Người viết: “Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc, cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang”¹. “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”².

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng văn hóa và con người

4.1. Khái niệm văn hoá theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Khái niệm văn hoá có nội hàm phong phú và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.280-281.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.244.

ngoại diên rất rộng, vì vậy có rất nhiều định nghĩa khác nhau về văn hoá. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khái niệm văn hóa được hiểu theo cả ba nghĩa *rộng, hẹp* và *rất hẹp*.

Theo nghĩa rộng, Hồ Chí Minh nêu văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra với phương thức sử dụng chúng, nhằm đáp ứng lẽ sinh tồn, đồng thời đó cũng là mục đích của cuộc sống loài người.

Người viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹.

Định nghĩa về văn hóa của Hồ Chí Minh đã khắc phục được những quan niệm phiến diện về văn hoá trong lịch sử và hiện tại.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.458.

Theo nghĩa hẹp, Người viết: “Trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần chú ý đến, cũng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Nhưng văn hóa là một kiến trúc thượng tầng”¹.

Theo nghĩa rất hẹp, văn hóa đơn giản là trình độ học vấn của con người, thể hiện ở việc Hồ Chí Minh yêu cầu mọi người phải đi học “văn hóa”, xóa mù chữ,...

4.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hoá mới

Theo Hồ Chí Minh, nền văn hoá dân tộc phải được xây dựng trên năm điểm lớn sau đây:

- 1- Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.
- 2- Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.
- 3- Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.
- 4- Xây dựng chính trị: dân quyền.
- 5- Xây dựng kinh tế”².

1. Hồ Chí Minh: *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1984, tr.34.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.458.

Muốn xây dựng nền văn hoá dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh thì phải xây dựng trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức, tâm lý con người.

4.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người

4.3.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

Hồ Chí Minh khẳng định, con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Theo Người, “vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”¹.

Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Con người là mục tiêu của cách mạng, nên mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ đều vì lợi ích chính đáng của con người, có thể là lợi ích lâu dài, lợi ích trước mắt; lợi ích cả dân tộc và lợi ích của bộ phận, giai cấp, tầng lớp và cá nhân.

Không phải mọi con người đều trở thành động lực mà phải là những con người được giác ngộ và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.281.

tổ chức. Họ phải có trí tuệ và bản lĩnh, văn hóa, đạo đức, được nuôi dưỡng trên nền tảng truyền thống lịch sử và văn hóa hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam... Chính trị, văn hóa, tinh thần là động lực cơ bản trong động lực con người. Con người là động lực chỉ có thể thực hiện được khi họ hoạt động có tổ chức, có lãnh đạo. Vì vậy, cần có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

4.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người”

Hồ Chí Minh khẳng định: “Trồng người” là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cách mạng. Con người phải được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển, vừa nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước với nghĩa rộng, vừa nằm trong chiến lược giáo dục - đào tạo theo nghĩa hẹp...

Trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, “trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*”. Điều này cần được hiểu là ngay từ đầu phải đặt ra nhiệm vụ xây dựng con người có những phẩm chất cơ bản, tiêu biểu cho con người mới xã hội chủ nghĩa, làm gương, lôi cuốn xã hội. Đây là một quá

trình lâu dài, phải không ngừng hoàn thiện, nâng cao; là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, gia đình và của chính bản thân mỗi người.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người mới xã hội chủ nghĩa gồm hai mặt gắn bó chặt chẽ với nhau. *Một là*, kế thừa những giá trị tốt đẹp của con người truyền thống (Việt Nam và phương Đông). *Hai là*, hình thành những phẩm chất mới như: có tư tưởng xã hội chủ nghĩa; có đạo đức xã hội chủ nghĩa; có trí tuệ và bản lĩnh để làm chủ (bản thân, gia đình, xã hội, thiên nhiên...); có tác phong xã hội chủ nghĩa; có lòng nhân ái, vị tha, độ lượng. Chiến lược “trồng người” là một trọng tâm, một bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Để thực hiện chiến lược “trồng người”, cần có nhiều biện pháp, nhưng giáo dục và đào tạo là biện pháp quan trọng bậc nhất. Bởi vì, giáo dục tốt sẽ tạo ra tính thiện, đem lại tương lai tươi sáng cho thanh niên. Ngược lại, giáo dục tồi sẽ ảnh hưởng xấu đến thanh niên. Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện, cả đức, trí, thể, mỹ; phải đặt đạo đức, lý tưởng và tình cảm cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa lên hàng đầu. “Trồng người” là

công việc “trăm năm”, không thể nóng vội “một sớm một chiều”, “việc học không bao giờ cùng, còn sống còn phải học”.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân

5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy dân chủ

5.1.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ

Theo Hồ Chí Minh, dân chủ có nghĩa “dân là chủ”; đối lập với quan niệm “quan chủ”, thể hiện bản chất trong cấu tạo quyền lực của xã hội. Người nhấn mạnh: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”¹, “Chế độ ta là chế độ *dân chủ*, tức là nhân dân là người chủ”², “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”³. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* viết năm 1953, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Ở nước ta chính quyền là của nhân dân, *do nhân dân làm chủ*... Nhân dân là *ông chủ* nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.258, 382.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.434.

quyền ấy. Thế là *dân chủ*¹. Xã hội nào bảo đảm cho điều đó được thực thi thì đó là một xã hội thực sự dân chủ.

Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên không bao giờ được quên “dân là chủ”, “mọi quyền hành đều ở nơi dân”, nhân dân thật sự là ông chủ tối cao của chế độ mới. Người viết: “chính quyền dân chủ có nghĩa là chính quyền do người dân làm chủ”². Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ, “nước ta là nước dân chủ, mọi người có quyền làm, có quyền nói”³. “Nhiệm vụ của chính quyền dân chủ là phục vụ nhân dân”⁴.

Trong quan hệ giữa dân và Đảng, Hồ Chí Minh quan niệm: dân là chủ và dân làm chủ thì Đảng, Chính phủ, cán bộ, đảng viên là dày tớ và làm dày tớ cho dân. Dân chủ trong xã hội Việt Nam được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... Dân chủ thể hiện trên lĩnh vực chính trị là quan trọng nhất, nổi bật nhất và được biểu hiện tập trung trong hoạt động của Nhà nước.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.8, tr.263.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.7, tr.269.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.15, tr.295.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.13, tr.454.

Hồ Chí Minh coi dân chủ thể hiện ở việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Dân chủ không dừng lại với tư cách như là một thiết chế xã hội của một quốc gia, mà còn có ý nghĩa biểu thị mối quan hệ quốc tế, hòa bình giữa các dân tộc. Đó là dân chủ, bình đẳng trong mọi tổ chức quốc tế, là nguyên tắc ứng xử trong các quan hệ quốc tế.

5.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ

a) Xây dựng và hoàn thiện chế độ dân chủ rộng rãi

Ngay từ năm 1941, trong Chương trình của Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh), Hồ Chí Minh đã “thiết kế” một chế độ dân chủ cộng hòa cho nước ta sau khi cuộc cách mạng do nhân dân thực hiện thắng lợi. Đó là chương trình thực hiện mục tiêu dân chủ, xác định rõ quyền và trách nhiệm của nhân dân trước vận mệnh của nước nhà; gắn độc lập, tự do của Tổ quốc với quyền lợi của từng người dân.

Ngay sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh đã chủ trương xây dựng và ban hành bản Hiến pháp mới. Hiến pháp năm 1946 đặt cơ sở pháp lý đầu tiên cho việc thực hiện quyền lực của nhân dân. Điều đó thể hiện rõ ở

Chương II Hiến pháp năm 1946 gồm 18 điều quy định về nghĩa vụ và quyền lợi công dân, Điều 6 ghi rõ: “Tất cả các cơ quan nhà nước đều phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân. Tất cả các nhân viên cơ quan nhà nước đều phải trung thành với chế độ dân chủ nhân dân, tuân theo Hiến pháp và pháp luật, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân”¹.

b) Xây dựng các tổ chức đảng, Nhà nước, mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh để bảo đảm dân chủ trong xã hội

Trong việc xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chú trọng tới việc xây dựng Đảng với tư cách là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo toàn xã hội. Xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Xây dựng mặt trận với vai trò là liên minh chính trị tự nguyện của tất cả các tổ chức chính trị - xã hội vì mục tiêu chung của sự phát triển đất nước; xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi khác của nhân dân.

Quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh là có bảo đảm và phát huy dân chủ ở trong Đảng thì mới

1. *Hiến pháp năm 2013: Sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.32.

bảo đảm được dân chủ của toàn xã hội. Quyền lãnh đạo của Đảng được xuất phát từ sự ủy quyền của giai cấp công nhân, của dân tộc và của nhân dân. Đảng trở thành hạt nhân chính trị của toàn xã hội là nhân tố tiên quyết để bảo đảm tính chất dân chủ của xã hội. Dân chủ trong Đảng trở thành yếu tố quyết định tới trình độ dân chủ của toàn xã hội.

5.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân

5.2.1. Về nhà nước pháp quyền

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền có những nội dung: Nhà nước của dân, nhà nước do dân và nhà nước vì dân.

Nhà nước của dân là tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Nhân dân lao động làm chủ nhà nước tất yếu dẫn đến hệ quả là nhân dân có quyền kiểm soát nhà nước. Cử tri bầu ra các đại biểu, ủy quyền cho các đại biểu đó bàn và quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh.

Nhà nước do dân là nhà nước do dân tạo ra và nhân dân tham gia quản lý. Hồ Chí Minh khẳng định: Việc nước là việc chung, mỗi người đều phải có trách nhiệm “ghé vai gánh vác một phần”.

Nhà nước vì dân là nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu. Tất cả đều vì lợi ích của nhân dân; ngoài ra, không có bất cứ một lợi ích nào khác. Một nhà nước vì dân là từ Chủ tịch nước đến công chức bình thường đều phải làm công bộc, làm đầy tớ cho nhân dân. Mọi công chức, từ nhân viên đến Chủ tịch nước đều do dân ủy thác cho và phải phục vụ nhân dân.

5.2.2. Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước

Nhà nước bao giờ và ở đâu cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam mới là một Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, thể hiện qua các điểm sau:

- Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- Nhà nước bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển đất nước.
- Nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ.

5.2.3. Về xây dựng nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

Hoạt động quản lý nhà nước phải bằng Hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống. Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước dân chủ Việt Nam không thể thiếu pháp luật. Vì pháp luật

là “bà đỡ” cho dân chủ. Dân chủ đích thực bao giờ cũng đi liền với kỷ cương phép nước. Mọi quyền dân chủ của người dân phải được thể chế hóa bằng hiến pháp và pháp luật; ngược lại, hệ thống pháp luật phải bảo đảm cho quyền tự do, dân chủ của người dân được tôn trọng trong thực tế.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa bảo đảm được việc thực thi quyền lực của nhân dân. Người khẳng định vai trò của pháp luật là: “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”¹. Người có công lớn trong sự nghiệp lập hiến, lập pháp của nước ta. Người luôn chăm lo hoàn thiện hệ thống pháp luật. Ở cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã hai lần đứng đầu Ủy ban soạn thảo Hiến pháp (Hiến pháp năm 1946 và 1959), đã ký công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh và nhiều văn bản dưới luật khác.

Hồ Chí Minh thường chỉ rõ những tiêu cực và nhắc nhở mọi người đề phòng và khắc phục những tệ nạn trong bộ máy nhà nước: đặc quyền, đặc lợi; tham ô, lãng phí, quan liêu; tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo...

Người yêu cầu tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.1, tr.473.

mạng, đề cao vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, cán bộ chủ chốt các ngành, các cấp.

Để bảo đảm công bằng và dân chủ trong tuyển dụng cán bộ nhà nước, Người ký Sắc lệnh số 76/SL ngày 20-5-1950 ban hành Bản quy chế công chức nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

“Phép trị nước” của Hồ Chí Minh là kết hợp cả “pháp trị” và “đức trị - nhân trị”, trong đó “pháp trị” rất nghiêm khắc, công minh và “đức trị - nhân trị” cũng rất tình người, bao dung, thấu tình đạt lý. Trong Quốc lệnh do Người ban hành ngày 26-1-1946, đã đưa ra 10 điều khen thưởng (đức trị) và 10 hình phạt (pháp trị). Trong 10 điều khen thưởng, Điều 3 “Ai vì nước hy sinh sẽ được thưởng”, Điều 5 “Ai làm việc công một cách trong sạch, ngay thẳng sẽ được thưởng”, Điều 6 “Ai làm việc gì có lợi cho nước nhà, dân tộc và được dân chúng mến phục sẽ được thưởng”. Trong 10 điều hình phạt, Điều 1 “Thông với giặc, phản quốc sẽ bị xử tử”, Điều 6 “Để cho bộ đội hại dân sẽ bị xử tử”, Điều 8 “Trộm cắp của công sẽ bị xử tử”¹.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài. Những yêu cầu của Người đối với đội ngũ cán bộ, công chức bao gồm:

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.189-190.

- Tuyệt đối trung thành với cách mạng.
- Hăng hái, thành thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.
- Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân.
- Cán bộ, công chức phải là những người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, “thắng không kiêu, bại không nản”.

Phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, luôn luôn có ý thức và hành động vì sự lớn mạnh, trong sạch của Nhà nước.

6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng

6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng

6.1.1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập *Đảng Cộng sản Việt Nam* vào đầu năm 1930. Đây không chỉ là đặc thù của Việt Nam mà còn là sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quá trình chuẩn bị và thành lập Đảng Cộng sản ở một nước thuộc địa nửa phong kiến. Chính vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn gắn bó với dân tộc, “là con nòi” của dân tộc, được toàn dân gọi là Đảng ta.

Quan điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam xuất phát từ thực tiễn Việt Nam.

6.1.2. Về vai trò lãnh đạo và bản chất của Đảng

Về vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: Cách mệnh trước hết “phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹. Sự ra đời, tồn tại và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam phù hợp với quy luật phát triển của xã hội. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Về bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng dựa trên cơ sở Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, thực hiện vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.289.

cấp công nhân. Tuy số lượng ít so với dân số nhưng giai cấp công nhân có đầy đủ phẩm chất và năng lực lãnh đạo đất nước thực hiện những mục tiêu của cách mạng.

Mặt khác, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo toàn thể dân tộc Việt Nam đấu tranh giành lại nền độc lập dân tộc, xây dựng đất nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, nên được toàn thể nhân dân lao động và cả dân tộc thừa nhận và đi theo. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền, trở thành Đảng cầm quyền. Đảng cầm quyền, nhưng là quyền do nhân dân ủy nhiệm, nhân dân mới thực sự là chủ. Đảng cầm quyền vừa là người lãnh đạo, vừa là người dày tó trung thành của nhân dân. Hồ Chí Minh sáng lập Đảng ta cũng đồng thời là tác giả đầu tiên soạn thảo *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Người khẳng định, Đảng chân chính cách mạng phải là Đảng tiên phong về lý luận, khoa học, lại còn phải tiêu biểu

cho đạo đức cách mạng trong sáng, chí công vô tư, toàn tâm toàn ý vì nhân dân và dân tộc.

6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *Xây dựng Đảng là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.*

6.2.1. Tính tất yếu khách quan của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn gắn với quá trình phát triển liên tục của sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Trước diễn biến của điều kiện khách quan, bản thân Đảng phải tự chỉnh đốn, tự đổi mới để vươn lên làm tròn trọng trách trước giai cấp và dân tộc. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương *trước hết phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng.*

Người chỉ rõ: Đảng sống trong xã hội, là một bộ phận hợp thành cơ cấu của xã hội. Tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên ở các cấp, giữ các chức vụ đều chịu ảnh hưởng, tác động của môi trường, các quan hệ xã hội, cả cái tốt và cái xấu, cái tích cực, tiến bộ và cái tiêu cực, lạc hậu. Do đó, tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên rèn luyện. Đảng phải thường xuyên chú ý đến việc chỉnh đốn Đảng.

Trên bình diện phát triển cá nhân, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trở thành nhu cầu tự hoàn thiện, nhu cầu tự làm trong sạch nhân cách của mỗi cán bộ, đảng viên.

Trong điều kiện Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền, việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng càng phải tiến hành thường xuyên hơn. Người chỉ rõ: Quyền lực có tính chất hai mặt. *Một mặt*, quyền lực có sức mạnh to lớn để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới nếu biết sử dụng đúng. *Mặt khác*, quyền lực cũng có sức phá hoại ghê gớm nếu người nắm quyền lực bị thoái hóa, biến chất, biến quyền lực của nhân dân thành đặc quyền của cá nhân...

6.2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng

Phải dựa vào lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin để xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng, lý luận. Hồ Chí Minh lưu ý: Việc học tập, nghiên cứu, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin phải luôn phù hợp với từng đối tượng. Việc vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin phải luôn luôn phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể của nước ta trong từng thời kỳ.

Trong quá trình hoạt động, Đảng ta phải chú ý học tập, kế thừa những kinh nghiệm tốt của các đảng cộng sản khác, đồng thời phải tổng kết kinh nghiệm của mình để bổ sung chủ nghĩa Mác - Lênin. Đảng ta phải tăng cường đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, phải thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận giải quyết đúng đắn những vấn đề đặt ra trong quá trình Đảng lãnh đạo. Các nghị quyết của Đảng được xây dựng và tổ chức thực hiện thắng lợi, sẽ ngày càng làm sáng tỏ những vấn đề mới trong thực tiễn, bổ sung và làm cho đường lối của Đảng ngày càng hoàn thiện.

Nội dung xây dựng Đảng về chính trị bao gồm: xây dựng đường lối chính trị, bảo vệ chính trị, xây dựng và thực hiện nghị quyết, xây dựng và phát triển hệ tư tưởng chính trị, củng cố lập trường chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị... Trong các nội dung trên, theo Hồ Chí Minh, đường lối chính trị là một vấn đề cốt tử trong sự tồn tại và phát triển của Đảng. Người cảnh báo nguy cơ sai lầm về đường lối chính trị gây hậu quả nghiêm trọng đối với vận mệnh của Tổ quốc, sinh mệnh chính trị của hàng triệu đảng viên và nhân dân lao động.

Đảng cần phải giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, thông tin thời sự cho cán bộ, đảng viên để họ luôn luôn kiên định lập trường, giữ vững bản lĩnh chính trị trong mọi hoàn cảnh.

b) Xây dựng Đảng về tổ chức

Về hệ thống tổ chức của Đảng, Hồ Chí Minh khẳng định sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ tổ chức. Hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở phải thật chặt chẽ, có tính kỷ luật cao. Sức mạnh các tổ chức liên quan chặt chẽ với nhau; mỗi cấp độ tổ chức có chức năng, nhiệm vụ riêng.

Trong hệ thống tổ chức đảng, Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của chi bộ. Chi bộ là tổ chức hạt nhân, quyết định chất lượng lãnh đạo của Đảng; là môi trường tu dưỡng, rèn luyện và cũng là nơi giám sát đảng viên. Chi bộ có vai trò quan trọng trong việc gắn kết giữa Đảng với quần chúng nhân dân.

Về công tác cán bộ, Người luôn quan tâm xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên có đức, có tài. Hồ Chí Minh nhận thức rất rõ vị trí, vai trò của người cán bộ trong sự nghiệp cách mạng. Theo Người: "Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu

rõ, để đặt ra chính sách đúng. Vì vậy, cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”¹.

“Cất nhắc cán bộ, không nên làm như “giã gạo”. Nghĩa là trước khi cất nhắc không xem xét kỹ. Khi cất nhắc rồi không giúp đỡ họ. Khi họ sai lầm thì đẩy xuống, chờ lúc họ làm khá, lại cất nhắc lên”².

Theo Người, “Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu. Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta”³. Tuy nhiên, Người cũng yêu cầu: “Khi cất nhắc một cán bộ, cần phải xét rõ người đó có gần gũi quần chúng, có được quần chúng tin cậy và mến phục không. Lại phải xem người ấy xứng với việc gì. Nếu người có tài mà dùng không đúng tài của họ, cũng không được việc. Nếu cất nhắc không cẩn thận, không khỏi đem người bô lô ba la, chỉ nói mà không biết làm, vào những địa vị lãnh đạo. Như thế rất có hại”⁴.

Đặc biệt, Hồ Chí Minh phê bình mạnh mẽ việc cất nhắc, bổ nhiệm cán bộ theo hướng cục bộ, địa phương, “một người làm quan cả họ được nhờ”. Người

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.309, 322, 313, 314.

viết: “Có những đồng chí còn giữ thói “một người làm quan cả họ được nhờ”, đem bà con, bạn hữu đặt vào chức này việc kia, làm được hay không, mặc kệ. Hồng việc, đoàn thể chịu, cốt cho bà con, bạn hữu có địa vị là được”¹. “*Tư túng* - Kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình, không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc là việc công, chứ không phải việc riêng gì dòng họ của ai”². Vì vậy, Người căn dặn: “Cất nhắc cán bộ, phải vì công tác, tài năng, vì cổ động cho đồng chí khác thêm hăng hái. Như thế, công việc nhất định chạy. Nếu vì lòng yêu ghét, vì thân thích, vì nể nang, nhất định không ai phục, mà gây nên mối lôi thôi trong Đảng. Như thế là có tội với Đảng, có tội với đồng bào...”³.

c) *Xây dựng Đảng về đạo đức*

Đảng là đạo đức, là văn minh, nhờ đó Đảng mới trong sạch, vững mạnh. Trong 12 điều xây dựng Đảng chân chính cách mạng, Người nhấn mạnh, Đảng là một tổ chức cách mạng chứ không phải tổ chức để “làm quan phát tài”.

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.90-91, 321.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.65.

Không như vậy, Đảng sẽ rơi vào thoái hóa, biến dạng, tha hóa, xa dân, tự đánh mất sức mạnh tự bảo vệ. Sức mạnh ấy từ dân mà ra, do dân gây dựng, phát triển.

Người cho rằng: Xây dựng Đảng về đạo đức là cơ hội để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giáo dục và tu dưỡng tốt hơn, hoàn thành các nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, đặc biệt là giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng. Cán bộ, đảng viên không phải là thần thánh. Họ là con người, ai cũng có hai mặt tốt - xấu, thiện - ác thường xuyên đấu tranh với nhau. Trong điều kiện môi trường tốt, nếu cán bộ, đảng viên nỗ lực tu dưỡng, phấn đấu, rèn luyện thì mặt tốt, mặt thiện sẽ nổi lên, đẩy lùi mặt ác, mặt xấu và ngược lại.

Hồ Chí Minh đưa ra tiêu chí của một người cán bộ tốt, đó là người cán bộ đó phải vừa có đức, vừa có tài. Trong đó, đạo đức là gốc, Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.292.

6.2.3. Về các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng

a) Nguyên tắc tập trung dân chủ

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản trong xây dựng Đảng. Nguyên tắc này thể hiện sự thống nhất hữu cơ, biện chứng giữa “tập trung” và “dân chủ”. Mặt này là điều kiện của mặt kia và ngược lại, về mối quan hệ giữa “tập trung” và “dân chủ” được Hồ Chí Minh khẳng định: tập trung trên nền tảng dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung, là cơ sở của tập trung. Nếu không có sự gắn bó và thống nhất với nhau thì sẽ dẫn tới độc đoán chuyên quyền và tự do vô tổ chức, vô kỷ luật. Tuy nhiên, “tập trung” và “dân chủ” có nội dung cụ thể.

“Tập trung” là thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, đảng viên chấp hành vô điều kiện nghị quyết của Đảng. Từ đó làm cho Đảng ta “tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh chỉ như một người”.

Còn dân chủ theo Hồ Chí Minh, là của quý báu nhất của nhân dân là thành quả của cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Dân chủ được thể hiện tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề mọi người được quyền tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ

của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý. Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến việc thực hiện và phát huy dân chủ nội bộ, vì nếu không có dân chủ nội bộ thì sẽ làm cho “nội bộ của Đảng âm u”. Hơn nữa dân chủ trong Đảng mới có thể nói dân chủ trong xã hội, mới định hướng cho việc xây dựng một chế độ dân chủ thật sự.

b) Nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách

Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là nguyên tắc lãnh đạo hay chế độ lãnh đạo của Đảng. Nguyên tắc này cũng có hai mặt gắn bó mật thiết với nhau, gần với nguyên tắc tập trung dân chủ vì tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là dân chủ tập trung. Người viết: “Vì sao cần phải có tập thể lãnh đạo? Vì một người dù khôn ngoan tài giỏi mấy, dù nhiều kinh nghiệm đến đâu, cũng chỉ trông thấy, chỉ xem xét được một hoặc nhiều mặt của một vấn đề, không thể trông thấy và xem xét tất cả mọi mặt của một vấn đề. Vì vậy, cần phải có nhiều người. Nhiều người thì nhiều kinh nghiệm. Người thì thấy rõ mặt này, người thì trông thấy rõ mặt khác của

vấn đề đó. Góp kinh nghiệm và sự xem xét của nhiều người, thì vấn đề đó được thấy rõ khắp mọi mặt. Mà có thấy rõ khắp mọi mặt, thì vấn đề ấy mới được giải quyết chu đáo, khỏi sai lầm”¹.

Cá nhân phụ trách là trên cơ sở bàn bạc kỹ lưỡng của tập thể, kế hoạch định rõ ràng rồi thì giao cho một người hoặc một nhóm người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành, để xác định rõ trách nhiệm và phát huy vai trò của mỗi cá nhân. Người viết: “Việc gì đã được đồng người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy. Nếu không có cá nhân phụ trách, thì sẽ sinh ra cái tệ người này ủy cho người kia, người kia ủy cho người nọ, kết quả là không ai thi hành. Như thế thì việc gì cũng không xong”². Trong khi thực hiện nguyên tắc phải chống lại căn bệnh độc đoán chuyên quyền, hay ngược lại, dựa dẫm vào tập thể, không dám quyết đoán, không dám chịu trách nhiệm. Hồ Chí Minh nêu rõ: “Lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.619, 619-620.

Phụ trách không do cá nhân, thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng là hỏng việc. Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau”¹.

c) Nguyên tắc tự phê bình và phê bình

Tự phê bình và phê bình là nguyên tắc sinh hoạt của Đảng, là quy luật phát triển của Đảng. Ý nghĩa của nguyên tắc này ở chỗ Đảng cũng từ trong xã hội mà ra nên có những căn bệnh trong xã hội lây ngấm vào Đảng. Cá nhân đảng viên, cán bộ cũng là con người, cũng có cái tốt, xấu, thiện, ác trong lòng. Con người ta không phải là thánh thần, ai cũng có khuyết điểm cả. Vì vậy, tự phê bình và phê bình giống như việc rửa mặt hằng ngày, làm cho phần tốt trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân, phần xấu mất dần đi. Cán bộ, đảng viên có khuyết điểm giống như người có bệnh. Vì vậy phải uống thuốc. Tự phê bình là thuốc đắng nhưng già tật. Ngược lại nếu không tự phê bình thì như người có bệnh mà không uống thuốc, để bệnh ngày càng nặng thêm. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.620.

mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”¹.

Tự phê bình và phê bình nhằm làm cho Đảng vững mạnh, cán bộ, đảng viên tiến bộ, để chữa các bệnh trong Đảng. Đó cũng là một trong những cách tốt nhất để thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, giữ vững và củng cố uy tín của Đảng.

Tuy nhiên, một điều rất quan trọng là cách thức tự phê bình và phê bình. Hồ Chí Minh thường dặn phải thường xuyên, nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình trên cơ sở tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Trong phê bình và tự phê bình phải thật thà, thẳng thắn, không nể nang, không giấu giếm, không thêm bớt khuyết điểm. Phê bình và tự phê bình là vấn đề khoa học và là nghệ thuật. Vấn đề không phải chỉ luôn luôn dùng mà còn phải khéo dùng cách phê bình và tự phê bình. Cán bộ chủ chốt, lãnh đạo càng phải gương mẫu tự phê bình và phê bình. Phải tuyệt đối chống các biểu hiện không đúng trong phê bình và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.301.

tự phê bình như: thiếu trung thực, che giấu khuyết điểm của bản thân, sợ phê bình, không dám phê bình, nể nang, né tránh, “dĩ hòa vi quý”, hoặc ngược lại, lợi dụng phê bình để nói xấu, bôi nhọ, vuï dập, đả kích người khác.

d) Nguyên tắc kỷ luật nghiêm minh, tự giác

Sức mạnh của một tổ chức đảng và của mỗi đảng viên bắt nguồn từ ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm minh, tự giác. Tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng đòi hỏi tất cả mọi tổ chức đảng, tất cả mọi đảng viên đều phải bình đẳng trước Điều lệ Đảng, trước pháp luật của Nhà nước, trước mọi quyết định của Đảng.

Đồng thời, Đảng ta là một tổ chức gồm những người tự nguyện phấn đấu cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, cho nên tự giác là một yêu cầu bắt buộc đối với mọi tổ chức đảng và đảng viên. Tính nghiêm minh, tự giác đòi hỏi ở đảng viên phải gương mẫu trong cuộc sống, công tác. Uy tín của Đảng bắt nguồn từ sự gương mẫu của mỗi đảng viên trong việc tự giác tuân thủ kỷ luật của Đảng, của Nhà nước, của đoàn thể nhân dân.

đ) Nguyên tắc đoàn kết thống nhất trong Đảng

Đoàn kết thống nhất phải dựa trên cơ sở lý luận của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin; cương lĩnh,

Điều lệ Đảng; đường lối, quan điểm của Đảng; nghị quyết của tổ chức đảng các cấp.

Muốn đoàn kết thống nhất phải thực hành dân chủ rộng rãi ở trong Đảng, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện tiêu cực khác, phải “sống với nhau có tình, có nghĩa”. “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹. Có đoàn kết tốt thì mới tạo ra cơ sở vững chắc để thống nhất ý chí và hành động, làm cho “Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người”².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.17.

II ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

1.1. Vị trí, vai trò của đạo đức trong xã hội và trong đời sống của mỗi người

Hồ Chí Minh nhiều lần chỉ rõ: “Sức có mệnh mới gánh được nặng và đi được xa”¹, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, nếu không có đạo đức làm nền tảng, làm cái căn bản thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vai trò sức mạnh của đạo đức được Hồ Chí Minh nhìn nhận trên các bình diện:

- Có đạo đức cách mạng mới hoàn thành được sự nghiệp cách mạng vẻ vang. Sự nghiệp cách mạng của chúng ta là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, làm cho người Việt Nam

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.11, tr.601.

từ nghèo đói trở nên đủ ăn, từ đủ ăn trở nên khá, từ khá trở nên giàu và giàu thì lại càng giàu thêm. Sự nghiệp đó rất cao cả và nhân văn, đòi hỏi phải có những phẩm chất tương ứng.

- Đạo đức là tiêu chí đánh giá sự văn minh, cao thượng của xã hội, con người. Người có đạo đức là người cao thượng; một dân tộc, mặc dầu kinh tế còn lạc hậu, nhưng có được đạo đức cần, kiệm, liêm, chính thì vẫn xứng đáng là một dân tộc văn minh.

- Đạo đức giúp cho con người luôn giữ được nhân cách, bản lĩnh làm người trong mọi hoàn cảnh, không dễ bị thay đổi trước những xoay vần, biến thiên của thời cuộc: Giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy lực không thể khuất phục¹.

- Đạo đức là gốc, là nguồn, là nền tảng, bởi lẽ, có tâm, có đức mới giữ vững được chủ nghĩa Mác - Lênin, đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào cuộc sống. Trong mối quan hệ giữa đạo đức và trí tuệ, đức và tài, Hồ Chí Minh đã nêu một quan điểm lớn: Phải có đức để đi đến cái trí. Vì khi đã có cái trí, thì cái đức chính là cái đảm bảo cho người cách mạng giữ vững chủ nghĩa mà mình đã giác ngộ, đã chấp nhận, đã đi theo.

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.7, tr.50.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, cấu trúc nhân cách bao gồm hai mặt: đạo đức và tài năng, phẩm chất và năng lực, hồng và chuyên, trong đó, Người xác định đạo đức, phẩm chất, hồng là gốc, là nền tảng, nhưng điều đó không có nghĩa là tuyệt đối hóa mặt đức, coi nhẹ mặt tài. Đức là gốc, nhưng đức và tài phải kết hợp, phải đi đôi, không thể có mặt này, thiếu mặt kia. Hồ Chí Minh đã nói rất rõ, có tài mà không có đức ví như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm hại gì, nhưng cũng không lợi gì cho loài người¹. Người thực sự có trí thì bao giờ cũng cố gắng học tập, nâng cao trình độ, nâng cao năng lực, tài năng, nghiệp vụ để hoàn thành tốt, có hiệu quả, trong thời gian ngắn nhất mọi nhiệm vụ được giao. Khi đã thấy rằng không vươn lên được thì đối với ai có tài hơn mình, mình sẵn sàng học tập, ủng hộ và sẵn sàng nhường bước, để họ bước lên trước. Quan niệm đức là gốc, là nền tảng của con người, của xã hội ở Hồ Chí Minh

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.399.

phải được hiểu trong mối quan hệ đa chiều và biện chứng như vậy.

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người đã nêu 23 điểm thuộc “tư cách một người cách mệnh”, trong đó chủ yếu là các tiêu chuẩn về đạo đức, thể hiện chủ yếu trong ba mối quan hệ: với mình, với người và với việc. Người viết: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”¹.

Về vai trò của đạo đức, Hồ Chí Minh khẳng định, đạo đức cách mạng giúp cho con người vững vàng trong mọi thử thách. Người viết: “Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước”²; “khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.601, 602.

mặt hưởng thụ; không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa”.

Đối với Đảng, tổ chức tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh yêu cầu phải xây dựng Đảng ta thật trong sạch, Đảng phải “là đạo đức, là văn minh”. Người thường nhắc lại ý của V.I. Lênin: Đảng Cộng sản phải tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại.

Vấn đề đạo đức được Hồ Chí Minh đề cập đến một cách toàn diện. Người nêu yêu cầu đạo đức đối với các giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội, trên mọi lĩnh vực hoạt động, trong mọi phạm vi, từ gia đình đến xã hội, trong cả ba mối quan hệ của con người: đối với mình, đối với người, đối với việc. Tư tưởng Hồ Chí Minh đặc biệt được mở rộng trong lĩnh vực đạo đức của cán bộ, đảng viên, nhất là khi Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền. Trong bản *Di chúc* bất hủ, Người viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.15, tr.622.

1.2. Những phẩm chất cơ bản của đạo đức cách mạng

1.2.1. Trung với nước, hiếu với dân

Trung, hiếu là đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam, được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển trong điều kiện mới. *Trung với nước* là trung thành vô hạn với sự nghiệp dựng nước, giữ nước, phát triển đất nước, làm cho đất nước “sánh vai với các cường quốc năm châu”. Nước là của dân, dân làm chủ đất nước, trung với nước là trung với dân, vì lợi ích của nhân dân, “bao nhiêu quyền hạn đều của dân”; “bao nhiêu lợi ích đều vì dân”... *Hiếu với dân* nghĩa là cán bộ đảng, cán bộ nhà nước vừa là người lãnh đạo, vừa là “đầy tớ trung thành của nhân dân”.

Trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất hàng đầu của đạo đức cách mạng. Người dạy, mỗi cán bộ đảng viên phải “tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân”, phải “tận trung với nước, tận hiếu với dân”. Trung với nước, hiếu với dân là phải gần bó với dân, gần dân, dựa vào dân, lấy dân làm gốc. Phải nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm, quan tâm cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, làm cho dân hiểu rõ nghĩa vụ và quyền lợi của người làm chủ đất nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về trung với nước, hiếu với dân thể hiện quan điểm của Người về mối quan hệ và nghĩa vụ của mỗi cá nhân với cộng đồng, đất nước.

1.2.2. Yêu thương con người, sống có nghĩa, có tình

Yêu thương con người trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh xuất phát từ truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, kết hợp với chủ nghĩa nhân văn của nhân loại, chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Hồ Chí Minh coi yêu thương con người là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất. Yêu thương con người thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân trong quan hệ xã hội.

Thương yêu con người phải tin vào con người. Với mình thì chặt chẽ, nghiêm khắc; với người thì khoan dung, độ lượng, rộng rãi, nâng con người lên, kể cả với những người lầm đường, lạc lối, mắc sai lầm, khuyết điểm. Yêu thương con người là giúp cho mỗi người ngày càng tiến bộ, tốt đẹp hơn. Vì vậy, phải thực hiện tự phê bình và phê bình, chân thành, giúp nhau sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm để không ngừng tiến bộ. Yêu thương con người phải biết và dám dấn thân để đấu tranh giải phóng con người.

1.2.3. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nền tảng của đời sống mới, là phẩm chất trung tâm của đạo đức cách mạng trong tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh, là mối quan hệ “với tự mình”. Theo Hồ Chí Minh, cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức tính của con người, như trời có bốn mùa, đất có bốn phương. Chí công vô tư là đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải trọng lợi ích của cách mạng hơn tính mệnh của mình. Phải hy sinh lợi ích của mình cho Đảng; việc của cá nhân và lợi ích của cá nhân để lại sau. Theo Bác, chí công vô tư là đạo đức cao nhất.

Muốn *chí công vô tư* thì phải chiến thắng được chủ nghĩa cá nhân. Bởi vậy, Hồ Chí Minh coi đây là chuẩn mực của người lãnh đạo, người “giữ cán cân công lý”, không được vì lòng riêng mà chà đạp lên pháp luật.

Cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau và với chí công vô tư. Cần, kiệm, liêm, chính sẽ dẫn đến chí công vô tư. Ngược lại, đã chí công vô tư, một lòng vì nước, vì dân, vì Đảng thì nhất định sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính.

1.2.4. Tinh thần quốc tế trong sáng

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế là sự mở rộng những quan niệm đạo đức nhân đạo, nhân văn của Người ra phạm vi toàn nhân loại, vì Người là “người Việt Nam nhất”, đồng thời là nhà văn hóa kiệt xuất Việt Nam mang tâm vóc nhân loại, anh hùng giải phóng dân tộc, chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế.

Quan niệm đạo đức về tình đoàn kết quốc tế trong sáng của Hồ Chí Minh thể hiện trong các điểm sau: Đoàn kết với nhân dân lao động các nước vì mục tiêu chung đấu tranh giải phóng con người khỏi ách áp bức, bóc lột. Đoàn kết quốc tế giữa những người vô sản toàn thế giới vì một mục tiêu chung, “bốn phương vô sản đều là anh em”. Đoàn kết với nhân loại tiến bộ vì hoà bình, công lý và tiến bộ xã hội. Đoàn kết quốc tế gắn liền với chủ nghĩa yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước chân chính sẽ dẫn đến chủ nghĩa quốc tế trong sáng, chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa sô vanh, vị kỷ, hẹp hòi, kỳ thị dân tộc...

1.3. Nguyên tắc xây dựng đạo đức

Hồ Chí Minh nêu lên ba nguyên tắc xây dựng

nên đạo đức mới trong xã hội và chính Người đã suốt đời không mệt mỏi tự rèn mình làm tấm gương để giáo dục, động viên cán bộ, đảng viên, nhân dân cùng thực hiện.

1.3.1. Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức

Đối với mỗi người, lời nói phải đi đôi với việc làm. Nói đi đôi với làm trước hết là sự nêu gương tốt. Sự làm gương của thế hệ đi trước với thế hệ đi sau, của lãnh đạo với nhân viên... là rất quan trọng. Người yêu cầu, cha mẹ làm gương cho các con, anh chị làm gương cho em, ông bà làm gương cho con cháu, lãnh đạo làm gương cho cán bộ, nhân viên... Đảng viên phải làm gương trước quần chúng. Người nói: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”¹.

1.3.2. Xây đi đôi với chống

Cùng với việc xây dựng đạo đức mới, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, nhất thiết phải chống những biểu hiện phi đạo đức, sai trái, xấu xa,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.6, tr.16.

trái với những yêu cầu của đạo đức mới, chống “chủ nghĩa cá nhân”. Xây đi đôi với chống là muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải chống chủ nghĩa cá nhân.

Xây dựng đạo đức mới trước hết phải được tiến hành bằng giáo dục, từ gia đình đến nhà trường, tập thể và toàn xã hội. Những phẩm chất chung nhất phải được cụ thể hoá. Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa các phẩm chất đạo đức cơ bản đối với từng giai cấp, tầng lớp, lứa tuổi và nhóm xã hội. Trong giáo dục, vấn đề quan trọng là phải khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh của mọi người, để mọi người nhận thức được và tự giác thực hiện. Trong đấu tranh chống lại cái tiêu cực, lạc hậu trước hết phải chống chủ nghĩa cá nhân, phải phát hiện sớm, phải chú ý phòng ngừa, ngăn chặn.

Để xây và chống cần phát huy vai trò của dư luận xã hội, tạo ra phong trào quần chúng rộng rãi, biểu dương cái tốt, phê phán cái xấu. Người đã phát động cuộc thi đua “ba xây, ba chống”, viết sách “Người tốt, việc tốt” để tuyên truyền, giáo dục về đạo đức, lối sống.

1.3.3. Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời

Hồ Chí Minh khẳng định, đạo đức cách mạng phải qua đấu tranh, rèn luyện bền bỉ mới thành. “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”¹. Người dạy: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”².

Tu dưỡng đạo đức, tự rèn luyện hằng ngày có vai trò rất quan trọng. Người khẳng định, đã là người thì ai cũng có chỗ hay, chỗ dở, chỗ xấu, chỗ tốt, ai cũng có thiện, có ác ở trong mình. Vấn đề là dám nhìn thẳng vào con người mình, không tự lừa dối, huyễn hoặc; thấy rõ cái hay, cái tốt, cái thiện để phát huy và thấy rõ cái dở, cái xấu, cái ác để khắc phục. Tu dưỡng đạo đức phải được thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn, trong đời tư cũng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.672.

như trong sinh hoạt cộng đồng, trong mọi mối quan hệ của mình.

2. Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

2.1. Suốt đời vì dân, vì nước

Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương của một con người cả đời phấn đấu hy sinh, tất cả vì dân, vì nước, vì hạnh phúc con người.

Hồ Chí Minh chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao nước nhà được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Nói chuyện với đồng bào trước khi sang thăm Pháp (ngày 30-5-1946), Hồ Chí Minh khẳng định: Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhẩn nhục cố gắng - cũng vì mục đích đó... Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ đeo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân.

Là lãnh tụ của dân tộc, với tư cách là người đứng đầu Đảng và Nhà nước, Hồ Chí Minh nhận thức rất rõ trách nhiệm của cá nhân: Lo cho dân, cho nước từ những việc lớn đến việc nhỏ. Hồ Chí Minh gắn bó với đồng bào theo đúng nghĩa anh em, chị em, con cháu và thật sự Người có tình cảm, trách nhiệm với họ như những người ruột thịt.

Khi một nhà báo nước ngoài phỏng vấn (ngày 14-7-1969), Hồ Chí Minh đã trả lời: “Đồng chí muốn biết tình cảm của tôi đối với miền Bắc và đối với miền Nam phải không? Tôi yêu đồng bào ở miền Bắc cũng như yêu đồng bào ở miền Nam. Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi... Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”¹.

Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh viết: “Về việc riêng: Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”².

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.674, 615.

2.2. Ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt được mục đích

Được nuôi dưỡng bởi truyền thống đạo đức của dân tộc, ở Hồ Chí Minh đã hình thành một lý tưởng và hoài bão đúng đắn, tạo ra động lực cho Người vượt qua mọi thử thách, chông gai để đưa cách mạng đi đến thắng lợi cuối cùng. Trên các chặng đường cách mạng, Hồ Chí Minh sống một cuộc sống kham khổ, hành trình qua bốn đại dương, năm châu lục. Ý chí và nghị lực tinh thần to lớn của Hồ Chí Minh trưởng thành qua thực tiễn cách mạng, kết hợp với một niềm tin, một tinh thần lạc quan từ trong tâm hồn của Người.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh từng bị tù đầy nhiều nơi, nhưng vẫn luôn giữ thái độ lạc quan, tin tưởng vào sức mạnh của con người, vào cuộc sống, chính nghĩa, với ý chí, nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn:

“Gạo đem vào giã bao đau đớn
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông;
Sống ở trên đời người cũng vậy,

Gian nan rèn luyện mới thành công”¹

Và:

“Muốn nên sự nghiệp lớn
Tinh thần càng phải cao”².

2.3. Hết lòng thương yêu, quý trọng, phục vụ nhân dân

Là một tấm gương mẫu mực phục vụ nhân dân, Hồ Chí Minh ý thức rõ ràng, cán bộ phải có trách nhiệm với dân, làm cán bộ chứ không phải quan cách mạng, cho nên từ việc nhỏ đến lớn đều phải vì nhân dân; ở bất kỳ cương vị nào cũng phải vì nhân dân mà phục vụ. “Làm Chủ tịch nước mệt lắm. Trăm việc đều phải lo. Trời mưa, trời nắng, gió bão, v.v., chưa ai lo, mình đã phải lo. Các cháu choẹt mắt, chưa ai lo, mình đã phải lo”³. Hồ Chí Minh định nghĩa cái gì có lợi cho nhân dân, cho dân tộc là chân lý, và Người xem phục vụ nhân dân là phục tùng chân lý; làm công bộc cho dân là một việc làm cao thượng.

Hồ Chí Minh dặn dò: “Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”⁴. Hồ Chí Minh

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.382, 305.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.274.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.65.

là người thấu hiểu dân tình, chăm lo dân sinh, nâng cao dân trí để không ngừng thực hành dân chủ cho dân. Ngày đêm Người đau đầu một điều là “giành được độc lập rồi, thì phải làm cho dân được ăn no mặc ấm”. Nếu không, nền độc lập đó chẳng có giá trị gì; để dân đói, dân rét thì Đảng và Chính phủ có lỗi với dân.

2.4. Nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu, luôn hết mực vì con người

Giáo sư Trần Văn Giàu từng khẳng định: “Tâm cốt của một hiền triết chung quy là ở mức quan tâm đến con người, con người thật đang phải sống trên quả đất này và chắc còn sống lâu dài đến vô tận thời gian, lấy đó làm trung tâm của mọi suy tư và chủ đích của mọi hành động. Cụ Hồ thuộc loại hiền triết đó; vì đó mà Cụ lớn”¹.

Mohamed Lamari, nguyên Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Angiêri tại Việt Nam, từng khẳng định: “Ưu điểm lớn

1. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia: *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn* (Kỷ yếu Hội thảo quốc tế), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 287.

nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho một sự giải phóng ở bề mặt bên ngoài, Người muốn tiến hành một cuộc chiến đấu cho phẩm giá con người, cho sự giải phóng và phúc lợi của toàn dân và nhờ thế mà cuộc cách mạng do Người phát động đã mang tầm cỡ thế giới...”¹.

Trong *Di chúc*, Bác viết: “Đầu tiên là công việc đối với *con người*”².

Lòng khoan dung nhân ái của Hồ Chí Minh luôn dành hết mực cho mọi kiếp người. Người cảm thấy rất đau khổ khi nhìn thấy những thanh niên Mỹ chết một cách vô ích ở Việt Nam. Hiếm có một lãnh tụ nào trong chiến tranh mà lại thấy được máu nào cũng là máu, người nào cũng là người, đều quý như nhau. Ngay đối với kẻ xâm lược đã gây nên bao đau thương cho dân tộc mình, gây ra bao tội ác đối với nhân dân, nhưng khi bị bắt, Người vẫn căn dặn cán bộ, chiến sĩ ta phải đối xử với họ một cách khoan hồng, phải làm cho thế giới

1. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia: *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn* (Kỷ yếu Hội thảo quốc tế), *Sđd*, tr. 49-50.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.616.

thấy rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc văn minh, tiến bộ, văn minh hơn bọn đi giết người, cướp nước.

2.5. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và hết sức khiêm tốn

Hồ Chí Minh thực hành triệt để tất cả những gì Người quan niệm, thậm chí Người còn làm nhiều hơn những gì Người nói.

Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về thực hành tiết kiệm trong ăn, mặc, ở, đi lại... Mọi cái ở Người được sử dụng một cách hợp lý. Ở Hồ Chí Minh, tiết kiệm đã trở thành nếp sống, sinh hoạt, thành giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh, biểu trưng của lối sống văn minh, hiện đại làm cơ sở cho việc thực hiện tinh thần nhân văn cao cả trong thế giới còn nghèo đói, khó khăn, vật lộn để sinh tồn và phát triển.

Giữ mình liêm khiết, trong sạch, Hồ Chí Minh sống trung thực, chân thành với chính mình và với người khác, luôn tôn trọng nhân cách người khác. Người biết nâng con người lên, khuyến khích, động

viên để con người thấy rõ giá trị đích thực của cuộc sống, có khát vọng sống.

Hồ Chí Minh là một tấm gương đấu tranh không mệt mỏi chống lại cái ác, cái xấu trong xã hội, trong mỗi con người, những biểu hiện tiêu cực, nhất là căn bệnh tham ô, lãng phí, quan liêu trong bộ máy tổ chức của Đảng, Nhà nước. Hồ Chí Minh có thái độ rõ ràng, công minh trước công và tội. Người viết nhiều bài báo giáo dục, cảnh tỉnh cán bộ, đảng viên không được phép làm “quan cách mạng”, phòng tránh những cám dỗ đời thường để không bị ngã gục trước những “viên đạn bọc đường”. Người đã trực tiếp chỉ đạo xét xử những vụ án lớn; phân tích thấu tình đạt lý những nguyên nhân dẫn đến lỗi lầm của cán bộ, đảng viên, trong đó có đảng viên có chức có quyền, củng cố niềm tin của nhân dân vào cán cân công lý của luật pháp, vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và bản chất tốt đẹp của chế độ ta.

III PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

Trước Đại hội VII (tháng 6-1991), Đảng ta thường dùng khái niệm “tác phong” để nói về “tác phong Hồ Chủ tịch”. Hai chữ “tác phong” được hiểu là phong cách làm việc và phong cách công tác của Hồ Chí Minh. Từ Đại hội VII, “tác phong” được thay bằng “phong cách” trong cụm từ “Tiếp tục bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”¹. Từ đây, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thường được nói liên với nhau, thể hiện những đặc trưng phong phú trong toàn bộ cuộc sống và hoạt động của Bác.

Nói phong cách Hồ Chí Minh là nói đến những đặc trưng giá trị, mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.51, tr.120.

gắn liền với tư tưởng, đạo đức của Người; thể hiện một nhân cách lớn, siêu việt, trí tuệ lỗi lạc, đạo đức trong sáng, nhân văn. Đó là phong cách của một vĩ nhân, một chiến sĩ cộng sản lỗi lạc, một nhà văn hóa lớn.

Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, tạo thành một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ. Phong cách Hồ Chí Minh gồm những điểm nổi bật sau đây:

1. Phong cách tư duy

Hồ Chí Minh là người mácxít, phong cách tư duy của Người trước hết là phương pháp biện chứng duy vật: xuất phát từ thực tiễn để trở lại biến đổi thực tiễn. Hồ Chí Minh đã thể hiện một phong cách tư duy khoa học và hiệu quả với những đặc trưng nổi bật như sau:

1.1. Phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại

Từ cách tiếp cận vấn đề một cách khoa học, gắn với yêu cầu của thực tiễn và điều kiện lịch sử, Người đã vượt qua các lớp sĩ phu yêu nước tiền bối, sớm nhận thức được những vấn đề của thời đại mình. Phong cách tư duy mới đã giúp Nguyễn Ái Quốc có

quyết định đi sang phương Tây để tìm đường cứu nước. Nhờ đó, Người đã có dịp sống ở những trung tâm văn hóa - khoa học - chính trị nổi tiếng của thế giới thời đó, như Niu Oóc, Pari, Luân Đôn, Mátxcơva..., tiếp xúc, hoạt động gần gũi với những đại diện xuất sắc của trí tuệ thời đại bấy giờ - các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ, nhà hoạt động chính trị, cách mạng nổi tiếng,... nhanh chóng trưởng thành về nhiều mặt, trong đó có tư duy biện chứng và hiện đại.

Nhờ có phong cách tư duy đó, cùng với sự cần cù chịu khó, óc quan sát và suy nghĩ từ thực tiễn, Hồ Chí Minh đã tự trang bị cho mình một vốn học vấn sâu rộng và chắc chắn, để trở thành một trí thức tự học, nhưng uyên bác về nhiều mặt. Đó là phong cách tư duy không tiếp thu một cách thụ động, không dừng lại ở sự vật, hiện tượng bề ngoài, mà đi sâu phân tích, so sánh, chất lọc, lựa chọn, tổng hợp, rút ra những phán đoán, đi tới những kết luận mới, đề ra những luận điểm mới, vừa kế thừa, vừa phát triển sáng tạo để tiếp tục vượt lên phía trước. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã bắt kịp với nhịp sống và sự phát triển của thời đại, để có thể lựa chọn đúng đường đi cho dân tộc và dự kiến được những bước phát triển mới của lịch sử.

1.2. Phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo

Đó là phong cách tư duy không giáo điều, rập khuôn, không vay mượn của người khác, hết sức tránh lối cũ, đường mòn, tự mình tìm tòi, suy nghĩ, truy đến tận cùng bản chất của sự vật, hiện tượng để tìm ra chân lý, phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tiễn.

Hồ Chí Minh đã không ngừng làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn văn hóa - tư tưởng của nhân loại. Người đã tìm hiểu, tiếp thu những yếu tố dân chủ, tiến bộ, nhân văn của các học thuyết khác, theo tư tưởng chỉ đạo của V.I. Lênin: “Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại”¹.

Tư duy sáng tạo của Hồ Chí Minh bắt nguồn từ sự thấm nhuần sâu sắc di huấn của các bậc thầy của cách mạng vô sản, không hề coi lý luận của C. Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm, mà phải tự mình phát triển hơn nữa lý luận của C. Mác, vì lý luận này chỉ đề ra nguyên lý chỉ đạo chung, còn việc áp dụng những

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.6, tr.357.

nguyên lý ấy, thì *xét riêng từng nơi*, ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga. Đó chính là *quan điểm thực tiễn*, cơ sở của sự sáng tạo.

1.3. Phong cách tư duy hài hòa, uyển chuyển, có lý có tình

Thể hiện rõ nhất của phong cách tư duy này ở Hồ Chí Minh là luôn biết xuất phát từ cái chung, cái nhân loại, từ những chân lý phổ biến, những “lẽ phải không ai chối cãi được” để nhận thức và lý giải những vấn đề của thực tiễn. Người từng viết: “Tuy phong tục mỗi dân mỗi khác, nhưng có một điều thì dân nào cũng giống nhau: Ấy là dân nào cũng ưa sự lành và ghét sự dữ”¹; hay: “Trừ bọn Việt gian bán nước, trừ bọn phát xít thực dân, là những ác quỷ mà ta phải kiên quyết đánh đổ, đối với tất cả những người khác thì ta phải yêu quý, kính trọng, giúp đỡ”².

Để đàm phán, thuyết phục đối phương đi tới đồng thuận, Người thường lập luận trên cơ sở nguyên tắc về tính đồng nhất của nguyên lý.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.397.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.130.

Người viết: “Quyền độc lập tự do ở nước nào cũng vậy, đều do xương máu của những nghĩa sĩ, và đoàn kết của toàn quốc dân mà xây dựng nên. Vậy nên, những người chân chính ham chuộng độc lập, tự do của nước mình, thì phải kính trọng độc lập, tự do của dân tộc khác”¹. Trong *Thư gửi những người bạn Pháp ở Đông Dương* năm 1946, Người viết: “Các bạn yêu nước Pháp của các bạn và muốn nó độc lập. Các bạn yêu đồng bào của các bạn và muốn họ được tự do... chúng tôi cũng phải được phép yêu nước của chúng tôi và muốn nó độc lập chứ! Chúng tôi cũng phải được phép yêu đồng bào chúng tôi và muốn họ được tự do chứ! Cái mà các bạn coi là lý tưởng cũng phải là lý tưởng của chúng tôi”².

Với phong cách tư duy này, Hồ Chí Minh phê phán thói “kiêu ngạo cộng sản”. Người nói: “Vì chúng ta đều là con của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, chúng ta chỉ biết trung thành với giai cấp vô sản, quyết tâm đấu tranh cho nhân dân. Thế thôi”³.

Hồ Chí Minh coi công việc chúng ta đang làm

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.404-405, 75.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.334.

hôm nay - giải phóng dân tộc, xây dựng xã hội mới, bảo vệ Tổ quốc là sự nối tiếp sự nghiệp cha ông đã mở ra từ mấy nghìn năm trước. Người nói:

*“Các vua Hùng đã có công dựng nước,
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”*¹.

Vì “cuộc chiến đấu hiện thời của chúng ta chỉ là kết tinh của cuộc trường kỳ đề kháng mà ông cha, anh em chúng ta đã tiếp tục trong 80 năm Pháp thuộc”².

Sự hài hòa, uyển chuyển, lý tưởng và đạo đức nhân văn thể hiện rõ trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Người. Bản thân *Lời kêu gọi* có sức mạnh giục giã như lời hịch của núi sông, thôi thúc mọi người cầm vũ khí, đứng lên chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, nhưng lại được viết bằng những lời lẽ rất hòa bình, nhân danh chính nghĩa mà chiến đấu, không hề có một chữ nào nói đến căm thù và chém giết. Trong thư gửi tướng R. Salan - người từng tháp tùng Hồ Chí Minh trong chuyến thăm nước Pháp - vừa được cử làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp thay tướng J. Valluy, Người viết: “... chúng ta đã là những người bạn tốt. Nhưng hoàn cảnh ngoài ý

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.59.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.100.

muốn đã biến chúng ta thành hai kẻ đối địch. Điều đó thật đáng tiếc!”¹.

2. Phong cách làm việc

2.1. Phong cách lãnh đạo

Là lãnh tụ của cách mạng Việt Nam, phong cách làm việc Hồ Chí Minh được thể hiện trước hết ở phong cách lãnh đạo.

2.1.1. *Phong cách dân chủ, tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách*

Người giải thích: “Tập thể lãnh đạo là *dân chủ*. Cá nhân phụ trách là *tập trung*. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tức là *dân chủ tập trung*”². Người thường nói: đề ra công việc, đề ra nghị quyết, không khó, vấn đề là thực hiện nó. Ai thực hiện? - Tập thể, quần chúng. Vì vậy, có dân chủ, bàn bạc tập thể mới cùng nhất trí, cùng quyết tâm thực hiện, tránh được “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”. Sở dĩ xảy ra mất đoàn kết vì người lãnh đạo còn chuyên quyền, độc đoán, áp đặt chủ quan, trong hội nghị thì mọi người miễn cưỡng đồng tình,

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.169, 620.

sau hội nghị, đã không thông thì không quyết tâm thực hiện.

Phong cách dân chủ Hồ Chí Minh được biểu hiện từ việc lớn cho đến việc nhỏ. Từ soạn thảo *Tuyên ngôn độc lập* đến viết một bài báo..., Người đều tham khảo ý kiến của Bộ Chính trị, hay những người xung quanh. Người tuân thủ chặt chẽ quy trình ra quyết định. Mọi vấn đề kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật,... Người đều dựa vào đội ngũ trí thức, chuyên gia trong bộ máy của Đảng và Nhà nước, yêu cầu chuẩn bị kỹ, trao đổi rộng, sao cho mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước phải được cân nhắc, lựa chọn thận trọng, để sau khi ban hành, ít phải thay đổi, bổ sung.

Phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh là biết động viên, khuyến khích “khiến cho cán bộ *cả gan nói, cả gan đề ra ý kiến*”¹, tức là phải làm cho cấp dưới không sợ nói sự thật và cấp trên không sợ nghe sự thật. Khi cần thiết, để lấy ý kiến các tầng lớp nhân dân, Người quyết định triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt (1964) - một “Hội nghị Diên Hồng” của thời đại mới.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.5, tr.319.

Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về phong cách làm việc thật sự dân chủ, tôn trọng tập thể, không phân biệt chức vụ cao thấp. Thực hiện dân chủ, tôn trọng tập thể là vấn đề có tính nguyên tắc xuất phát từ nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của đảng kiểu mới.

Theo Người, thực hành dân chủ, tôn trọng các quyết định của tập thể, biết lắng nghe ý kiến mọi người thì sẽ phát huy được tính tích cực, tự giác, sáng tạo và quy tụ được sự đồng tình ủng hộ của nhiều người, tạo nên sức mạnh to lớn để giải quyết thắng lợi mọi nhiệm vụ. Người đã sớm cảnh báo về hiện tượng mất dân chủ, không tôn trọng tập thể trong công tác của cán bộ, nhất là những người có chức, có quyền cao. Phong cách làm việc dân chủ, tôn trọng tập thể của Hồ Chí Minh hoàn toàn đối lập với phong cách làm việc theo kiểu áp đặt mệnh lệnh hành chính, độc đoán chuyên quyền, chủ quan duy ý chí, dân chủ hình thức hoặc dân chủ cực đoan, tùy tiện, tự do vô chính phủ. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, lối làm việc dân chủ, tôn trọng tập thể phải đi liền với sự quyết đoán và tinh thần dám chịu trách nhiệm cá nhân.

2.1.2. Tổ chức việc kiểm tra, kiểm soát cụ thể, thường xuyên

Theo Hồ Chí Minh, sau khi nghị quyết đã được ban hành, phải tổ chức tốt để nghị quyết đi vào cuộc sống; điều đó gắn liền với công việc kiểm tra, kiểm soát. Muốn tốt, “phải đi tận nơi, xem tận chỗ”. Sở dĩ sự thật còn bị bung bít vì sự kiểm tra, kiểm soát của các ngành, các cấp, không nghiêm túc, chưa chặt chẽ, tề quan liêu còn “nông”.

Trong thực tiễn, Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về tác phong kiểm tra sâu sát. Theo tài liệu thống kê của Bảo tàng Hồ Chí Minh, chỉ tính trong vòng 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1955 - 1965), không quản tuổi cao, công việc bề bộn, Người đã thực hiện hơn 700 lượt đi thăm các địa phương, công trường, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị bộ đội..., từ miền núi đến hải đảo, ngoài việc thăm hỏi chiến sĩ và đồng bào, để xem xét tình hình, kiểm tra công việc. Tính ra mỗi năm có hơn 70 lượt Người đi xuống cơ sở, mỗi tháng có khoảng 6 lần lãnh tụ gặp gỡ quần chúng. Đó là một kỷ lục khó ai có thể vượt qua, nhất là đối với một lãnh tụ tuổi đã cao.

Ngoài ra, hằng ngày Người đều đọc báo, đọc thư của nhân dân gửi lên, thấy có những ý kiến

hay, cần tiếp thu, những việc gấp cần giải quyết, Người đều dùng bút đỏ đóng khung lại, chuyển tới các cơ quan có trách nhiệm, yêu cầu nghiên cứu và giải quyết.

2.1.3. Phong cách quần chúng, luôn luôn gần dân, tin dân, trọng dân, dựa vào dân, gắn bó với nhân dân

Trong cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh luôn gần gũi với nhân dân, qua đó thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của nhân dân.

Tư tưởng trọng dân và tin dân nhất quán từ trong suy nghĩ và hành động thường nhật hằng ngày của Hồ Chí Minh. Chính vì trọng dân, tin dân và thương dân, nên Người lấy dân làm đối tượng phục vụ.

Hồ Chí Minh luôn tin dân, tin tưởng vào khả năng và sức mạnh của nhân dân. Phong cách quần chúng của Hồ Chí Minh bắt nguồn từ tư tưởng của Người: “Nước lấy dân làm gốc”¹.

Người nhấn mạnh: “Học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng”², “không phải dân chúng nói gì, ta cũng cứ nhắm mắt theo”³. Trong cách làm việc với quần chúng cần phải nắm vững

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.501, 333, 337.

tình hình chất lượng quần chúng, phân loại các mức hạng khác nhau để có biện pháp làm việc cho hiệu quả, mặt khác phải nắm rõ đặc điểm nổi bật trong tư tưởng của dân chúng là “họ hay so sánh” và họ so sánh đúng vì tai mắt họ nhiều, việc gì họ cũng nghe, cũng thấy. Vì thế, “người cán bộ cũng phải dùng cách so sánh của dân chúng mà tự mình so sánh”¹. Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc nhở cán bộ phải phê phán và đấu tranh khắc phục cách làm việc quan liêu, mệnh lệnh. Người yêu cầu các đồng chí phụ trách ở các bộ, ban, ngành và Trung ương phải thường xuyên đi kiểm tra và giải quyết công việc tại chỗ, phải chống bệnh giấy tờ, hội họp nhiều, đi kiểm tra giúp đỡ ít.

Trong lãnh đạo, Người xuất phát từ lợi ích của nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân, của tập thể lên trên, lên trước. Người luôn thực hiện “việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.337.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.51.

2.1.4. Phong cách nêu gương

Hồ Chí Minh cho rằng: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”¹. Người đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải làm kiểu mẫu trong công tác và lối sống, trong mọi lúc, mọi nơi, nói phải đi đôi với làm để quần chúng noi theo.

Hồ Chí Minh từng dạy: “Nói miệng, ai cũng nói được. Ta cần phải thực hành. Kháng chiến, kiến quốc, ta phải cần kiệm. Nhưng tự mình phải cần và kiệm trước đã. Trước hết, mình phải làm gương, gắng làm gương trong anh em, và khi đi công tác, gắng làm gương cho dân. Làm gương về cả ba mặt: Tinh thần, vật chất và văn hóa. Không có gì là khó. Khó như cách mạng mà ta đã làm được và đã thành công. Muốn làm được, ta phải: Quyết tâm, trí tâm và đồng tâm. Ta nhớ ba chữ ấy, thực hành làm gương nêu ba chữ ấy lên, tất là các đồng chí phải thành công”². “Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.284.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.171.

chước”¹. Tự mình phải chính trước, mới giúp người khác chính. Mình không chính, mà muốn người khác chính là vô lý.

Để giáo dục bằng nêu gương đạt kết quả cao, Người chủ trương: “Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”².

2.2. Phong cách làm việc khoa học và đổi mới

2.2.1. Phong cách làm việc khoa học, khách quan, trung thực

Hồ Chí Minh yêu cầu làm việc gì cũng phải điều tra, nghiên cứu, thu thập thông tin, số liệu, để nắm chắc thực chất tình hình, “Đảng có hiểu rõ tình hình thì đặt chính sách mới đúng”³. Về phần mình, để nắm tình hình, Người không chỉ dựa vào bộ máy giúp việc, mà còn trực tiếp đi xuống cơ sở. Cách đi của Người thường là không

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.16.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.672.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.307.

báo trước; xem xét từ ngoài vào trong, từ sau ra trước, từ nơi ăn, chốn ở rồi mới ra chỗ làm việc, hội trường... Người muốn không để ai có thể nói dối mình. Người lên án mọi thói che đậy, bưng bít sự thật, cho đó là đối trá với dân, “đối trá với Đảng, có tội với Đảng”¹.

Phong cách làm việc khoa học, khách quan, trung thực của Hồ Chí Minh là không hề né tránh những sự việc tiêu cực, thường được đội danh là “nhạy cảm”, càng không cho phép lợi dụng hai chữ “nhạy cảm” để che chắn sai lầm, bưng bít sự thật, bênh che cho nhau. Người coi đó là không *trong sạch* về đạo đức, không *minh bạch* về chính trị và không *trung thực* về khoa học. Người viết: “... một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”².

Người đã nêu cao tấm gương trung thực, thẳng

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.297, 301.

thần, thực sự cầu thị. Trong cái cách ruộng đất, Người gạt nước mắt nhận lỗi trước nhân dân.

Hồ Chí Minh làm việc gì cũng có chương trình, kế hoạch, từ lớn đến nhỏ, từ dài hạn, trung hạn đến ngắn hạn, từ tháng, tuần đến ngày, giờ nào việc nấy. Vì làm việc có kế hoạch, dù bận trăm công nghìn việc của Đảng và Nhà nước, Người lúc nào cũng ung dung, tự tại, vẫn có thời gian học tập, đọc sách, xem văn nghệ, đi xuống địa phương, đi thăm danh lam, thắng cảnh... Từ thực tế và kinh nghiệm của mình, Người dạy: trong việc đặt kế hoạch không nên tham lam, phải thiết thực, vừa sức, từ thấp đến cao, “Chớ làm kế hoạch đẹp mắt, to tát, kể hàng triệu nhưng không thực hiện được”¹.

Hồ Chí Minh rất không bằng lòng với thói quen chậm chạp, tùy tiện, không đúng giờ của nhiều cán bộ, coi đó là thái độ không tôn trọng thời giờ của những người khác. Tháng 11-1945, đến dự lễ tốt nghiệp khóa V Trường Huấn luyện cán bộ Việt Nam, Người thẳng thắn góp ý: “Trong giấy mời tới đây nói 8 giờ bắt đầu, bây giờ 8 giờ 10 phút rồi mà nhiều người chưa đến. Cách tôi làm việc đúng giờ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.81.

Tôi khuyên anh em làm việc phải cho đúng giờ, vì thời gian quý báu lắm”¹. Người phê bình một vị tướng đến chậm để mọi người phải đợi, coi 10 phút đến chậm ấy phải “nhân lên với 500 người đợi chú ở đây”...

2.2.2. Phong cách làm việc luôn đổi mới

Đó là một phong cách không cố chấp, bảo thủ, luôn đổi mới. Người nói: “Tư tưởng *bảo thủ* là như những sợi dây cột chân cột tay người ta... Muốn *tiến bộ* thì phải có tinh thần mạnh dạn, dám nghĩ dám làm”². Cuộc đời Người là một tấm gương tuyệt vời về đổi mới, có sức khơi gợi, kích thích sự đổi mới, sáng tạo cho mỗi chúng ta.

Khi dự thảo công văn cho Bác, anh em giúp việc thường dựa vào các văn bản cũ đã được Người duyệt để làm theo. Không ngờ, có lần Người lại vẫn sửa khác đi. Anh em giúp việc có ý thanh minh: Thưa Bác, cháu thấy trong văn bản trước Bác đã thông qua một câu như vậy rồi ạ. Người nói: Lần trước Bác chưa nghĩ ra, lần này Bác thấy phải sửa tiếp cho tốt hơn.

Có thể thấy phong cách của Người là luôn luôn đổi mới, không chấp nhận tư duy “lối mòn”, kinh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.115.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.340.

nghiệm chủ nghĩa, mà phải luôn cải tiến để ngày càng tốt hơn. Đó cũng là phong cách mà thời đại đang đòi hỏi.

3. Phong cách diễn đạt

Phong cách diễn đạt Hồ Chí Minh thể hiện rõ nhất trong cách nói và viết của Người. Hồ Chí Minh là nhà chính trị, nhà tuyên truyền, nhà báo, nhà thơ, nhà văn,... đã có nhiều tác phẩm thuộc các thể loại như báo chí, tiểu phẩm, thơ ca, truyện ký, kịch, văn chính luận... Tùy theo mục đích, đối tượng, thể loại mà Người có cách viết khác nhau, theo tiêu chí mà Người xác định là: Viết cho ai? Viết để làm gì... Từ đó, Người có phong cách diễn đạt rất đa dạng, phong phú: uyên bác, hàn lâm đối với các chính khách phương Tây; hàm súc, “ý tại ngôn ngoại” đối với các bậc đại nho; mộc mạc, giản dị đối với những đồng bào còn ít chữ...

Về đặc trưng của phong cách diễn đạt Hồ Chí Minh, có thể nêu các điểm sau:

3.1. Cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, thiết thực

Mở đầu tác phẩm *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã nói rõ chủ kiến của mình: “Sách này muốn

nói cho vấn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ... Đây nói việc gì thì nói rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả... Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: Cách mệnh! Cách mệnh!! Cách mệnh!!!”¹.

Mục đích nói và viết của Hồ Chí Minh cốt làm cho lý luận trở nên gần gũi, dễ hiểu với tất cả mọi người. Hồ Chí Minh hay dùng cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, thiết thực.

3.2. Diễn đạt ngắn gọn, cô đọng, hàm súc, trong sáng, có lượng thông tin cao

Bác Hồ thường viết ngắn, có khi rất ngắn: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị”, chỉ 9 chữ mà khái quát được cả ba giai đoạn đầy biến động của đất nước. Nhiều câu được cô đúc lại như châm ngôn: “Nước lấy dân làm gốc”, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”... Chính vì vậy, những tư tưởng lớn của Người trở nên dễ thuộc, dễ nhớ, nhanh chóng đi vào quần chúng, hướng dẫn họ hành động.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.283.

3.3. Sinh động, gắn gũi với cách nghĩ của quần chúng, gắn với những hình ảnh, sự ví von, so sánh cụ thể

Khi nói, khi viết, Bác Hồ thường kết hợp với kể chuyện, đan xen những câu thơ, câu ca dao có vần điệu, làm cho bài nói hay bài viết trở nên sinh động, gắn gũi với lối cảm, lối nghĩ của quần chúng. Người dùng hình ảnh “con đũa hai vôi” để nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc; ví “Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn”¹; “Có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ”²; người đọc nhiều lý luận mà không biết đem thực hành, vận dụng chỉ là “cái hòm đựng sách”...

3.4. Phong cách diễn đạt luôn luôn biến hóa, nhất quán mà đa dạng

Trên cơ sở thống nhất về mục đích nói và viết, phong cách diễn đạt Hồ Chí Minh thể hiện rất phong phú, phù hợp với nội dung được trình bày. Đó là sự đan thếp với những số liệu rõ ràng khi tố cáo (trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*),

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.275, 274.

sôi nổi trong tranh luận, thiết tha trong kêu gọi, ân cần trong giảng giải, sáng sủa trong thuyết phục... Người dạy: “Mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết, phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng”¹.

4. Phong cách ứng xử

Ứng xử là cách quan hệ giao tiếp, đối xử giữa người với người, giữa cá nhân với cộng đồng. Ứng xử không chỉ được thể hiện qua lời nói, cử chỉ, nét mặt bề ngoài mà chủ yếu là ở sự chân thành của tình cảm và của mối quan hệ giữa chủ thể với đối tượng. Vì vậy, ứng xử được coi là biểu hiện tổng hợp của văn hóa - đạo đức, qua cách ứng xử có thể thẩm định được nhân cách của một con người.

Phản ánh nhân cách, trí tuệ, tâm hồn, đạo đức trong sáng của Người, nét chung tạo nên tính nhất quán trong phong cách ứng xử Hồ Chí Minh là sự *chân thành, bình dị, tự nhiên*. Đó không phải là một “nghệ thuật xã giao”, mà là sự phản ánh trung thực tâm hồn, đạo đức, nhân cách Hồ Chí Minh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.345.

Phong cách ứng xử Hồ Chí Minh có các đặc trưng cơ bản sau đây:

4.1. Khiêm tốn, nhã nhặn, lịch thiệp

Trong các cuộc tiếp xúc, Người thường khiêm tốn, không bao giờ đặt mình cao hơn người khác, mà trái lại, luôn hòa nhã, quan tâm chu đáo đến những người chung quanh.

Đến thăm một lớp học hay dự một buổi nói chuyện, bao giờ Người cũng chú ý hỏi thăm các vị nhân sĩ, trí thức có danh vọng, các bậc cao tuổi, các đại biểu phụ nữ, rồi trân trọng mời ngồi lên trên, thể hiện phong cách tao nhã, rất mực Á Đông. Tiếp khách tại một khách sạn ở Pari năm 1946, Hồ Chí Minh bắt tay mọi người, nói chuyện thân mật, rất tự nhiên, kèm theo những lời khen, những câu ca tụng nước Pháp... Người Pháp rất có cảm tình với Bác.

4.2. Chân tình, nồng hậu, tự nhiên

Khi gặp gỡ mọi người, với những cử chỉ thân mật, lời hỏi thăm chân tình, hay một câu nói đùa, Người đã tạo ngay ra một bầu không khí thân mật, thoải mái, thân thiết như trong một gia đình.

Hồ Chí Minh luôn xuất hiện với thái độ tươi cười, tươi cười một cách tự nhiên trong ánh mắt hoặc trên đôi môi. Sự vui vẻ cùng với năng khiếu hài hước được thể hiện đa dạng, phong phú đã xóa đi cái cách bức, những nghi thức trịnh trọng không cần thiết, tạo ra không khí chan hòa, gần gũi giữa lãnh tụ với quần chúng, giữa những người bạn... Điều đó lý giải vì sao mỗi khi Bác Hồ xuất hiện ở đâu là ở đó rộn lên niềm vui và tiếng cười hồ hởi không dứt.

Không chỉ đùa vui người khác, đôi lúc Người cũng nói đùa về bản thân. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, khi đến thăm lớp chính huấn giữa lúc mưa to, cả hội trường vang lên tiếng hô “Hồ Chủ tịch muôn năm!”, Người ra hiệu im lặng, rồi nói: Muôn năm làm cái gì? Trăm năm đã là quá. Còn bây giờ, Bác chỉ “muốn nằm” một tí thôi!

Một nét nhân cách nổi bật trong giao tiếp, ứng xử của Hồ Chí Minh là sự khiêm tốn chân thành, sự thân thiện thực lòng với mọi người, không một chút gợn nào cho sự sùng bái cá nhân.

Sự ân cần, nồng hậu, xóa bỏ mọi nghi thức, đi thẳng đến trái tim con người bằng tình cảm chân

thực, tự nhiên, đó chính là nét nổi bật trong phong cách ứng xử của những nhà văn hóa lớn của mọi thời đại.

4.3. Linh hoạt, chủ động, biến hóa

Ứng xử văn hóa Hồ Chí Minh đạt tới sự kết hợp hài hòa giữa tình cảm nồng hậu với lý trí sáng suốt, nên linh hoạt, uyển chuyển, sẵn sàng vì cái lớn mà chêm chước cái nhỏ.

Năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm chính thức nước Pháp. Khi tới thành phố Biarít, ra sân bay đón Người chỉ có một mình ông Tỉnh trưởng, sau đó họ đưa Người về nghỉ tại một khách sạn khá sang, nhưng bên ngoài vẫn còn sơn phết dang dở. Chị Phương Tiếp, một trí thức Việt kiều, được cử làm phiên dịch cho Người, tỏ ý thắc mắc về sự đón tiếp không được trịnh trọng: “Tại sao họ chưa có chính phủ mà Cụ đã sang?”. Người trả lời hóm hỉnh: “Thế nếu có chính phủ rồi, họ đòi ý không mời mình sang nữa thì sao?”. Với tầm suy nghĩ vừa xa rộng, vừa uyển chuyển, Người đã tranh thủ được một cơ hội đưa lá cờ đỏ sao vàng của Tổ quốc ta tới Pari, vào lúc nước ta chưa được một quốc gia nào công nhận.

5. Phong cách sống

Nét chung trong phong cách sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh là rất mực giản dị, thanh cao, đạm bạc trong đời sống vật chất, nhưng lại vô cùng phong phú về những giá trị đạo đức - tinh thần; chứa chan tình yêu thương con người, yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp... với những rung động, nhạy cảm của một tâm hồn nghệ sĩ, thể hiện như sau:

5.1. Sống cần, kiệm, liêm, chính

Cả trong lời nói và việc làm, Hồ Chí Minh luôn luôn tự mình thực hiện cần, kiệm, liêm, chính:

Về ăn, khi ở Pari hoa lệ hay lúc về hoạt động bí mật tại vùng Pác Bó, kể cả khi đã trở thành Chủ tịch nước, Người vẫn thích lối ăn đạm bạc, mang tính truyền thống quê hương. Có “củ ngon, vật lạ”, Người thường không chịu ăn một mình, mà san sẻ đều cho những người cùng đi, để phần cho người đi vắng... Khi ăn xong, bao giờ Người cũng sắp xếp lại mâm bát cho gọn ghẽ, thể hiện sự tôn trọng đối với người phục vụ của mình.

Về mặc, quần áo và cách mặc của Bác Hồ vô cùng giản dị, gần gũi và thân quen như mọi người

xung quanh mà vẫn lịch sự, tao nhã. Khi ở miền núi, Người mặc bộ đồ chàm như một ông kẻ người Nùng. Đến với nông dân, Người mặc bộ cánh nâu, khăn mặt vắt vai như một lão nông. Đi chiến dịch, Người mặc bộ quân phục như một chiến sĩ. Hành trang của vị Chủ tịch nước, là thượng khách của nước Pháp, cũng chỉ có hai bộ quần áo ngoài, một bộ bằng kaki, một bộ bằng dạ cùng vài bộ đồ lót, vừa xếp gọn trong chiếc vali nhỏ. Dù lâu, quần áo đã cũ, sờn nhưng Người vẫn không chịu cho may bộ mới...

Về chỗ ở, Hồ Chí Minh đề ra là gần gũi với thiên nhiên: “trên có núi, dưới có sông; có đất ta trồng, có bãi ta chơi; nhà thoáng ráo, kín mái; gần dân, không gần đường”. Chính vì vậy mà sau khi giải phóng Thủ đô, về Hà Nội, Người không vào ở trong Dinh Toàn quyền, nói thác là vì “nó có mùi thực dân”!

Trong sinh hoạt đời thường, việc gì có thể làm, Người đều tự làm, không muốn phiền người khác. Thật cảm động và gần gũi khi xem hình ảnh dọc đường đi công tác, Người tắm suối, tự giặt quần áo, phơi lên sào rồi vắt vai đi tiếp, bình dị, tự nhiên như một lão nông, thật gần gũi với chúng ta.

Mỗi khi đi công tác xuống cơ sở, Bác ít khi báo trước, hoặc yêu cầu địa phương không được tổ chức đón tiếp linh đình. Người dặn, đi như thế này mới thấy sự thật. Nếu báo trước thì không thấy gì hết. Thế rồi địa phương lại lấy có ta ăn mà mổ gà, mổ lợn. Đoàn công tác ăn một, cán bộ địa phương ăn hai và kết quả cuối cùng là gì? Nhân dân lại è vai ra mà gánh... Khi đi công tác ở cơ sở, Bác dặn dò các đồng chí ở Văn phòng Chính phủ phải luôn chuẩn bị mọi thứ để ăn trưa nếu làm việc quá giờ.

5.2. Sống hài hòa, kết hợp nhuần nhuyễn văn hóa Đông - Tây

Đó là phong cách sống vừa thấm nhuần văn hóa Nho - Phật - Lão, vừa chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Âu - Mỹ nhưng luôn giữ vững, yêu quý và tự hào về văn hóa Việt Nam.

Đoạn văn của cụ Hoàng Đạo Thúy đã khái quát được phong cách đặc sắc ấy: Máy nhà nho cũ thấy Cụ ngồi cạnh cái hòm nhỏ như cái tráp, hí hoáy viết, bảo rằng Cụ là một ông đồ Nghệ. Đeo kính vào nữa thì rõ ràng là một ông đốc học. Những người đi nước ngoài về, hay quen đọc sách Tây, bảo Cụ cực kỳ văn minh, như người châu Âu lịch sự ấy.

Nghệ sĩ nghe Cụ nói về một tác phẩm, thấy ngay Cụ là một đồng sự của mình. Cụ tiếp cụ Võ Liêm Sơn, tặng quạt, làm thơ tiễn, thì Cụ là một nhà đạo đức văn chương bậc thầy. Một người Pháp nghe Cụ nói chuyện, cảm thấy như là đến nhà một ông bác ở bên bờ sông Xen. Tay nâng chén rượu chúc mừng, rất trang trọng, mà vung cây đũa đánh nhịp cũng vô cùng là tự nhiên...

5.3. Tôn trọng quy luật tự nhiên, gắn bó với thiên nhiên

Những người được sống bên Bác cho biết: chưa bao giờ thấy Người phàn nàn về thời tiết, mưa không bực, nắng không than, bình thản trước mọi diễn biến của đất trời, dung mạo lúc nào cũng vui vẻ, trán không nhăn, mày không nhíu, mắt mẽ như mùa thu, ấm áp như mùa xuân, cứ thuận theo tự nhiên mà sống.

Như mọi trí thức phương Đông khác, những khi rỗi rãi, Người cũng làm thơ - thơ trữ tình - nhiều bài bằng chữ Hán. Trong thơ có trăng có hoa, mai vàng, tuyết trắng, chim rùng về tổ, mây lượn tầng không, có hoàng hôn, nắng sớm... Tất cả đều được nhân cách hóa, giao hòa với con người. Điều khác

biệt ở Người là “tiên” mà không thoát tục, vẫn luôn gắn bó với dân, với nước, vẫn theo đuổi khát vọng nhân văn cao cả.

Khi đã ngoài 70 tuổi, tuy vẫn còn minh mẫn, nhưng sức khỏe đã kém đi và đang giữ trọng trách lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Người chủ động từng bước chuyển giao cho lớp kế cận đã được đào tạo. Người chủ động viết *Di chúc* với những lời dặn dò tâm huyết với Đảng; để lại muôn vàn tình thương cho bộ đội, chiến sĩ, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, lời chào và sự mong muốn đoàn kết với bạn bè quốc tế... Người công khai nói lên một ước muốn và một điều tiếc...; tất cả đều là từ phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

*

* *

Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất. Người đã để lại cho Đảng ta, dân tộc ta một di sản tư tưởng, đạo đức, phong cách vô cùng quý giá; là ngọn đuốc soi đường, chỉ lối cho cách mạng Việt Nam vượt qua

muôn vàn khó khăn, thử thách trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tiến hành công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, làm cho vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là yêu cầu, trách nhiệm, nhưng đồng thời cũng là tình cảm, là nguyện vọng tha thiết của mỗi cán bộ, đảng viên và người dân Việt Nam yêu nước, để xây dựng một đất nước Việt Nam giàu đẹp, dân chủ; dân tộc Việt Nam độc lập, tự do; nhân dân Việt Nam ấm no, hạnh phúc.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
I- Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
II- Đạo đức Hồ Chí Minh	68
III- Phong cách Hồ Chí Minh	88

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. NGUYỄN MINH

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ THINH
ThS. BÙI THỊ ÁNH HỒNG
ThS. LÊ THỊ THU MAI

Vẽ bìa: ĐƯỜNG HỒNG MAI

Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG

Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu: THU MAI

In 20.000 cuốn, khổ 13x19 cm, tại Nhà in Sự Thật.
A2CN4 Cụm công nghiệp Từ Liêm - Hà Nội.
Số đăng ký xuất bản: 3766-2016/CXBIPH/2-59/CTQG.
Quyết định xuất bản số: 902- QĐ/NXBCTQG ngày 02-11-2016.
Mã số ISBN: 978-604-57-2776-8.
In xong nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2016.